

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGÔ THU PHƯƠNG

**BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI Ở VIỆT NAM -
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2014

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGÔ THU PHƯƠNG

**BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI Ở VIỆT NAM -
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Chuyên ngành : Luật Kinh tế

Mã số : 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu

Hà Nội – 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Ngô Thu Phương

MỤC LỤC

	Trang
LỜI CAM ĐOAN	1
MỤC LỤC.....	4
LỜI MỞ ĐẦU.....	6
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP.....	12
1.1. Quan niệm về bảo hiểm thất nghiệp.....	12
<i>1.1.1. Định nghĩa bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>12</i>
<i>1.1.2. Bản chất của bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>13</i>
<i>1.1.3. Vai trò của bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>14</i>
1.2. Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp.....	17
<i>1.2.1. Nguyên tắc của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>18</i>
<i>1.2.2. Nội dung pháp luật bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>21</i>
1.3. Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp của một số quốc gia trên thế giới	28
CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP Ở VIỆT NAM.....	39
2.1. Thực trạng pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam.....	39
<i>2.1.1. Về đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>39</i>
<i>2.1.2. Về điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>43</i>
<i>2.1.3. Về các chế độ bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>48</i>
<i>2.1.4. Về quỹ bảo hiểm thất nghiệp.....</i>	<i>61</i>
2.2. Thực tiễn thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay.....	65
<i>2.2.1. Những kết quả đạt được trong thời gian thực hiện bảo hiểm thất nghiệp từ 2009 đến nay.....</i>	<i>65</i>

<i>2.2.2. Những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta hiện nay</i>	69
--	----

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP Ở VIỆT NAM	78
3.1. Những yêu cầu đặt ra	78
3.2. Một số kiến nghị cụ thể.....	79
3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp	80
3.2.2. Về quỹ bảo hiểm thất nghiệp.....	81
3.2.3. Về thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp	84
3.3. Tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp hiệu quả ở Việt Nam	84
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế thị trường cùng với sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã và đang gây ra những ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội trên toàn thế giới nói chung, cũng như ở nước ta nói riêng. Cuộc khủng hoảng nợ công ở nhiều quốc gia trong khối Liên minh Châu Âu như Hi Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ai Len... là một trong những biểu hiện rõ nét của suy thoái kinh tế, và kéo theo đó là tình trạng thất nghiệp ngày một gia tăng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cũng đã và đang chịu những ảnh hưởng nhất định của khủng hoảng kinh tế thế giới, trong đó sự gia tăng số lượng người lao động mất việc làm là một vấn đề rất nan giải.

Ở Việt Nam tính đến ngày 01/7/2012, cả nước có 50,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên, chiếm 58,5% dân số trong đó bao gồm 49,5 triệu người có việc làm và 1,3 triệu người thất nghiệp [33]. Từ những số liệu này có thể thấy, nước ta là một nước có dân số trẻ với lực lượng lao động rất dồi dào, tuy nhiên việc sử dụng nguồn nhân lực này lại chưa được hiệu quả. Theo thống kê của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì năm 2012 cả nước ta có khoảng hơn 1,3 triệu người thất nghiệp thì khu vực nông thôn là 649.000 người, còn khu vực thành thị là 652.000 người. Dự tính đến năm 2015, khu vực nông thôn sẽ có khoảng 665.000 người và khu vực thành thị có khoảng 847.000 người thất nghiệp [7].

Một trong những nguyên nhân phổ biến nhất của tình trạng thất nghiệp đó là khi các doanh nghiệp thay đổi cơ cấu sản xuất, kinh doanh đã khiến cho nhiều người lao động không tìm được việc làm hoặc đang làm việc nhưng lại bị mất việc. Người lao động bị thất nghiệp sẽ mất đi khoản thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình, chất lượng cuộc sống giảm và khiến cho người lao

động luôn lo lắng làm thế nào để tìm được một công việc mới. Tình trạng thất nghiệp kéo dài cùng với chất lượng cuộc sống không được đảm bảo sẽ dễ gây ra sự suy giảm niềm tin của người dân đối với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước, và có thể gây ra những biến động không tốt về chính trị. Song song với những hậu quả tiêu cực đó, thất nghiệp gia tăng còn gây ra sức ép lớn về tài chính dùng cho các quỹ, chương trình, chính sách để hỗ trợ và chống thất nghiệp.

Bảo hiểm thất nghiệp với mục đích hỗ trợ phần nào thu nhập cho người lao động, tư vấn giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề là một trong những biện pháp hữu hiệu củ nhà nước nhằm khắc phục tình trạng thất nghiệp và đã được nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Canada, Trung Quốc... áp dụng thành công. Ở nước ta, bảo hiểm thất nghiệp được ghi nhận trong Luật Bảo hiểm xã hội và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Qua 5 năm thực hiện, bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam đã đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người lao động, người sử dụng lao động, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm thu nhập của người lao động và giúp họ sớm tìm được việc làm trở lại. Tuy nhiên, đây vẫn còn là một chính sách mới nên trong quá trình áp dụng không tránh khỏi còn nhiều khó khăn, vướng mắc, bộc lộ nhiều bất cập như: đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp còn hạn chế dẫn tới một bộ phận không nhỏ người lao động chưa được bảo đảm quyền lợi khi họ bị mất việc làm; tình trạng người sử dụng lao động nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp; sự lợi dụng của người lao động đối với việc chi trả bảo hiểm thất nghiệp, tâm lý ỷ lại không muốn đi tìm việc làm mới... Việc tìm ra những biện pháp thích hợp nhằm khắc phục tình trạng trên là điều hết sức cần thiết để bảo hiểm thất nghiệp có thể phát huy được vai trò và ý nghĩa vốn có của nó trong cuộc sống.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài “Bảo hiểm thất nghiệp trong Luật Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp” làm luận văn thạc sỹ luật học của mình với mong muốn tìm ra những nguyên nhân vướng mắc, tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp từ đó làm cơ sở để nâng cao hiệu quả áp dụng bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, thất nghiệp trở thành vấn đề xã hội nghiêm trọng ở mọi quốc gia. Theo đó, các vấn đề về trợ cấp thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều nhà khoa học với các bài viết, chuyên đề dưới nhiều góc độ. Có thể kể đến như:

Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước “Nghiên cứu những nội dung cơ bản của bảo hiểm thất nghiệp hiện đại, vấn đề lựa chọn hình thức thất nghiệp tại Việt Nam” (2004) của TS. Nguyễn Huy Ban đã nêu lên vấn đề thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp, cũng như yêu cầu xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam.

Luận án tiến sỹ luật học “Chế độ bảo hiểm thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam” (2005) của NCS. Lê Thị Hoài Thu đã đi sâu nghiên cứu và trình bày một cách hệ thống những nội dung chủ yếu của chế độ bảo hiểm thất nghiệp, những yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam, đồng thời có sự so sánh với quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và một số nước trên thế giới.

Sách “Pháp luật Bảo hiểm thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam” (2008) của TS. Lê Thị Hoài Thu đã một lần nữa hệ thống những nội dung chủ yếu của bảo hiểm thất nghiệp và vấn đề xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam.

Luận văn thạc sĩ luật học “Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay” (2011) của Quách Đại Huấn đã nêu ra một số nội dung cơ bản của bảo hiểm thất nghiệp cũng như thực trạng áp dụng bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam sau 2 năm thực hiện.

Khóa luận tốt nghiệp “Thực trạng thu nộp quỹ bảo hiểm thất nghiệp và một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu nộp quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay” (2010) của tác giả Nguyễn Thu Trang đã đề cập đến thực trạng thu nộp quỹ bảo hiểm thất nghiệp và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý như: “Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp sau 03 năm thực hiện ở Việt Nam” của ThS. Đỗ Thị Dung đăng trên tạp chí Luật học số 9/2012; “Một số bất cập trong thi hành pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp” của tác giả Bùi Đức Hiên đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 4(189) tháng 2/2011; “Vấn đề lao động mất việc làm và chính sách bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Thúy Vân đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước số 174 tháng 7/2010; “Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam” của TS. Lê Thị Hoài Thu đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 12/2008...

Sau năm năm thực hiện, bảo hiểm thất nghiệp đã bộc lộ nhiều vướng mắc và bất cập, dẫn đến những khó khăn trong việc áp dụng pháp luật đối với cả người sử dụng lao động và người lao động cũng như các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Tuy nhiên, các công trình trên chưa đánh giá toàn diện về thực trạng pháp luật bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam từ khi thực hiện cho đến nay. Chính vì vậy, đề tài “Bảo hiểm thất nghiệp trong Luật Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp” làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về bảo hiểm thất nghiệp cũng như thực trạng bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta từ khi có hiệu lực cho đến nay.

3. Đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu của đề tài

Luận văn đánh giá các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và việc áp dụng chúng trong thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Đề tài làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về bảo hiểm thất nghiệp và pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp; nghiên cứu thực trạng quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp đồng thời so sánh đối chiếu với pháp luật của một số nước trên thế giới về bảo hiểm thất nghiệp; từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ luật học trên cơ sở các quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội Việt Nam hiện hành và tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới như Pháp, Đức... Các số liệu thực tiễn được lấy trong phạm vi từ năm 2009 đến năm 2013 trên địa bàn cả nước.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.

Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống như phân tích, so sánh, thống kê, bình luận, quy nạp, diễn giải... làm cơ sở cho quá trình nghiên cứu.

5. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Trên cơ sở phân tích và đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp và thực hiện áp dụng các quy định đó, đề tài đã chỉ ra những vướng mắc, khó khăn còn tồn tại và đưa ra một số kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung những điểm còn chưa hợp lý nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp và nâng cao hiệu quả áp dụng của bảo hiểm thất nghiệp trong đời sống xã hội hiện nay.

6. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam

Chương 3: Một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

1.1. Quan niệm về bảo hiểm thất nghiệp

1.1.1. Định nghĩa bảo hiểm thất nghiệp

Cùng với sự phát triển của xã hội, khái niệm “thất nghiệp” và “người thất nghiệp” đã không còn xa lạ đối với người dân Việt Nam. Đối với một quốc gia được xếp vào loại dân số trẻ với nguồn nhân lực dồi dào nhưng lại bị mất cân bằng giữa cung và cầu lao động trên thị trường lao động, tình trạng cung lao động lớn hơn cầu lao động cả về quy mô và cơ cấu cũng như việc phân bổ lao động không đồng đều giữa các ngành, các địa phương như ở nước ta thì sự gia tăng của tình trạng thất nghiệp là không thể tránh khỏi.

Thất nghiệp không chỉ đe dọa tới đời sống của người lao động nói riêng mà còn gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với quốc gia và toàn xã hội nói chung. Vì vậy, khắc phục và giải quyết tình trạng thất nghiệp luôn là vấn đề được các nước rất quan tâm. Tùy theo điều kiện kinh tế mà mỗi nước có những chính sách và biện pháp giải quyết khác nhau như chính sách dân số; hạn chế di cư từ nông thôn ra thành thị; áp dụng các công nghệ kỹ thuật thích hợp; giảm tuổi nghỉ hưu... trong đó có một biện pháp không chỉ được coi là một trong những chính sách quan trọng của mỗi quốc gia mà còn được điều chỉnh trong phạm vi quốc tế, đó là bảo hiểm thất nghiệp. Vậy “bảo hiểm thất nghiệp” là gì?

Dưới góc độ kinh tế - xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được hiểu là giải pháp nhằm khắc phục hậu quả của tình trạng thất nghiệp, giúp người thất nghiệp tạm thời đảm bảo được cuộc sống và tìm kiếm việc làm thông qua việc tạo lập và sử dụng một quỹ tiền tệ tập trung. Quỹ này được hình thành qua sự đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động có sự hỗ trợ của nhà

nước, được sử dụng để trả trợ cấp thất nghiệp, cũng như tiến hành các biện pháp nhằm nhanh chóng giúp người thất nghiệp có được việc làm mới.

Dưới góc độ pháp lý, bảo hiểm thất nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định việc đóng góp và sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, chi trả cho trợ cấp thất nghiệp để bù đắp thu nhập cho người lao động bị mất việc làm và thực hiện các biện pháp đưa người thất nghiệp trở lại làm việc. Bảo hiểm thất nghiệp vì thế thường được hiểu là một chế độ trong hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội, có mục đích hỗ trợ thu nhập cho người lao động bị mất thu nhập do thất nghiệp [38].

Theo Công ước số 102 của ILO, bảo hiểm thất nghiệp là một trong chín nhánh của bảo hiểm xã hội, là một biện pháp hỗ trợ người lao động trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh việc hỗ trợ một khoản tài chính đảm bảo ổn định cuộc sống cho người lao động trong thời gian mất việc thì mục đích chính của bảo hiểm thất nghiệp là thông qua các hoạt động đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm, sớm đưa người lao động thất nghiệp tìm được một việc làm mới thích hợp và ổn định.

Như vậy có thể hiểu bảo hiểm thất nghiệp là một chế độ của bảo hiểm xã hội, theo đó bảo hiểm thất nghiệp không chỉ thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động nhằm đảm bảo cuộc sống cho họ trong thời gian bị mất việc làm mà còn giúp đỡ đưa người thất nghiệp trở lại với thị trường lao động, thông qua việc hình thành và sử dụng một quỹ tài chính được đóng góp từ các bên tham gia bảo hiểm thất nghiệp, nhằm góp phần đảm bảo an toàn đời sống của người lao động và gia đình họ, đồng thời góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

1.1.2. Bản chất của bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp trước hết là một loại bảo hiểm, do đó nó mang bản chất của bảo hiểm là việc phân chia tổn thất của một hoặc một số người cho

tất cả những người tham gia bảo hiểm cùng chịu và hoạt động dựa trên quy luật số đông (the law of large numbers).

Đồng thời, bảo hiểm thất nghiệp còn là một chế độ của bảo hiểm xã hội, nó phản ánh những quan hệ kinh tế gắn liền với quá trình tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung, được hình thành từ sự đóng góp của người sử dụng lao động và người lao động. Ngoài ra, bảo hiểm thất nghiệp còn bảo đảm quyền lợi vật chất cho người lao động và gia đình họ, khi gặp phải các biến cố làm giảm hoặc mất khả năng thanh toán từ thu nhập theo lao động.

Mặt khác, bảo hiểm thất nghiệp lại có những đặc trưng riêng, hoàn toàn khác biệt so với các chế độ của bảo hiểm xã hội, đó là: bảo hiểm thất nghiệp không chỉ nhằm bù đắp một phần thu nhập bị mất cho người lao động mà còn giúp người lao động nhanh chóng quay trở lại thị trường lao động. Việc chi trả bảo hiểm thất nghiệp luôn được gắn liền với việc làm cho người lao động. Mức trợ cấp thất nghiệp phải đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho người lao động nhưng cũng không được quá cao mà phải khuyến khích được người lao động nhanh chóng tìm việc làm mới. Việc chi trả trợ cấp thất nghiệp phải đi liền với những vấn đề về giải quyết việc làm cho người lao động như tư vấn giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề...

Như vậy, có thể hiểu bản chất của bảo hiểm thất nghiệp chính là quá trình tổ chức và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo nguyên tắc lấy số đông bù số ít. Quỹ này được hình thành do sự đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động nhằm đảm bảo ổn định đời sống cho người lao động và gia đình họ trong trường hợp mất việc làm và giúp cho người lao động nhanh chóng quay trở lại thị trường lao động.

1.1.3. Vai trò của bảo hiểm thất nghiệp

a) Về mặt kinh tế:

Bất kỳ người lao động nào cũng muốn dễ dàng tìm cho mình một công việc ổn định, có lương cao, đúng với chuyên môn kỹ thuật hoặc chí ít là có việc làm, có thu nhập đủ để duy trì cuộc sống gia đình bình thường. Nếu không may vì một lý do nào đó mà họ bị mất việc làm thì điều này sẽ gây khó khăn về tài chính cho gia đình cũng như chính bản thân họ. Nếu có chế độ trợ cấp thất nghiệp thì những khó khăn này có thể giải quyết phần nào vì chúng ta đã biết khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là khoản được sử dụng để giúp người lao động có được cuộc sống tương đối ổn định sau khi bị mất việc làm và đồng thời tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm kiếm việc làm mới.

Mặt khác, tình trạng thất nghiệp còn gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đối với nền kinh tế cả nước nói chung. Thất nghiệp gây ra sự lãng phí về nguồn nhân lực, từ đó tạo ra thiệt hại về hàng hóa và dịch vụ mà xã hội có thể sản xuất thêm, gây thiệt hại về thu nhập thực và kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế. Đồng thời, thất nghiệp còn làm cho nhu cầu xã hội giảm, hàng hóa, dịch vụ sản xuất ra không có người tiêu dùng, cơ hội kinh doanh ít đi, chất lượng sản phẩm tụt giảm... Hơn nữa, tình trạng thất nghiệp gia tăng còn kéo theo sự gia tăng của lạm phát, khiến cho nền kinh tế bị suy thoái, khả năng phục hồi chậm.

Như vậy, bảo hiểm thất nghiệp không chỉ đóng vai trò thiết yếu trong việc cải thiện kinh tế cho người lao động nói riêng mà còn có vai trò to lớn đối với nền kinh tế cả nước nói chung.

b) Về mặt xã hội:

Bảo hiểm thất nghiệp còn là một chính sách xã hội. Nếu thực hiện tốt chính sách này sẽ tạo ra sự ổn định về mặt xã hội và ngược lại, làm không tốt sẽ khiến cho xã hội phát sinh nhiều tiêu cực, mất ổn định. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội là do thiếu việc làm và thất nghiệp gây

nên, bởi thất nghiệp thường làm cho con người bị bần cùng hóa, thất nghiệp đi kèm với không có thu nhập, mà con người thì bao giờ cũng có nhu cầu về ăn, ở, mặc, đi lại... đó là những nhu cầu tối thiểu trong cuộc sống.

Khi người lao động bị mất việc làm, thất nghiệp sẽ tác động rất lớn đến tinh thần và tâm lý của họ. Theo thống kê của các nhà kinh tế xã hội thì mất việc làm làm cho mức độ căng thẳng về thần kinh tăng khoảng 50%, dẫn đến khả năng thực hiện các hành vi tiêu cực tăng cao [9, tr30]. Để ngăn chặn và hạn chế những hành vi tiêu cực có thể xảy ra cho xã hội thì có lẽ không có biện pháp nào phát huy tác dụng như chính sách trợ cấp thất nghiệp. Rõ ràng với chính sách này người lao động cũng yên tâm phần nào về cuộc sống để dồn sức lo tìm kiếm một công việc mới, ổn định dần và tiến đến cải thiện đời sống của gia đình mình trong tương lai, góp phần giữ gìn sự ổn định xã hội.

Không những thế, bảo hiểm thất nghiệp còn có ý nghĩa rất to lớn về mặt chính trị. Bất kỳ một quốc gia nào, vào thời gian nào cũng tồn tại một đội quân thất nghiệp tuy mức độ và tỷ lệ là khác nhau. Thường trong giai đoạn hưng thịnh của nền kinh tế thì tỷ lệ thất nghiệp thấp và trong giai đoạn khủng hoảng thì tỷ lệ này là cao. Khi người lao động bị mất đi nguồn thu nhập do mất việc làm, đời sống lâm vào hoàn cảnh khó khăn, sẽ khiến cho họ mất đi lòng tin đối với Nhà nước, gây ra những hậu quả khó lường trước, thậm chí dẫn tới sự sụp đổ của một chế độ, một quốc gia. Do đó, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện sẽ góp phần ổn định chính trị của đất nước.

c) Về mặt pháp lý:

Theo Công ước số 102 năm 1952 của ILO thì trợ cấp thất nghiệp là một trong 9 nhánh của bảo hiểm xã hội, với sự ra đời của loại hình bảo hiểm này thì quyền được bảo hiểm của con người đã được nâng lên một bước. Việc hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội là việc làm hết sức cần thiết vì quyền được bảo hiểm xã hội là một trong những quyền cơ bản của con người. Trong

tuyên ngôn về nhân quyền của Liên hiệp quốc thông qua ngày 10/12/1948 có đoạn: “Tất cả mọi người với tư cách là thành viên của xã hội có quyền được hưởng bảo hiểm xã hội. Quyền đó được đặt trên cơ sở sự thỏa mãn các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa cần cho nhân cách và sự tự do phát triển của con người” và ngoài ra Điều 25 có ghi: “Mỗi người có quyền có một mức sống cần thiết cho việc giữ gìn sức khỏe cho bản thân và gia đình, có quyền được bảo đảm trong trường hợp thất nghiệp”.

Việc làm và giải quyết việc làm nhằm hạn chế thất nghiệp cũng là một phạm trù thuộc quyền con người. Điều 3 tuyên ngôn nhân quyền quy định: “Mọi người đều có quyền làm việc, tự do chọn nghề, được có những điều kiện làm việc thuận lợi và chính đáng và được bảo vệ chống lại thất nghiệp”. Như vậy, quyền được bảo hiểm thất nghiệp, quyền được làm việc là một trong những quyền của con người. Nó không những được quy định trong pháp luật quốc gia mà còn được quy định trong pháp luật quốc tế. Sự ra đời của bảo hiểm thất nghiệp đã biến quyền con người, quyền công dân trở thành hiện thực.

1.2. Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

Thất nghiệp là tình trạng tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường và nó đòi hỏi mỗi quốc gia đều phải căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của nước mình để tìm ra những giải pháp thích hợp nhằm hạn chế những ảnh hưởng nghiêm trọng của thất nghiệp đối với đời sống người lao động nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Một trong những công cụ hữu ích và có tính hiệu quả cao là dùng pháp luật để điều chỉnh các quan hệ thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp. Đó chính là việc Nhà nước “dựa vào pháp luật, sử dụng một loạt các phương tiện pháp luật đặc thù (quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật, quan hệ pháp luật, hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý) để điều chỉnh các quan hệ

xã hội, tác động đến các quan hệ xã hội theo phương hướng nhất định” [37, tr430]. Từ đó có thể thấy, việc điều chỉnh pháp luật đối với thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp trước hết là việc Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết các mối quan hệ khi xuất hiện thất nghiệp, để các cơ quan có thẩm quyền ra các văn bản áp dụng pháp luật. Thông qua việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thất nghiệp, Nhà nước định hướng cho những quan hệ xã hội i trong lĩnh vực thất nghiệp phát triển phù hợp với các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Như vậy, cùng với quan niệm về bảo hiểm thất nghiệp đã phân tích ở trên, có thể hiểu *pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp là tổng thể các quy định của Nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực của bảo hiểm thất nghiệp như: việc đóng góp và sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, chi trả trợ cấp thất nghiệp và thực hiện các biện pháp đưa người thất nghiệp trở lại làm việc.*

1.2.1. Nguyên tắc của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

a) Bảo hiểm thất nghiệp phải gắn liền trợ cấp thất nghiệp với giải quyết việc làm cho người thất nghiệp

Trợ cấp thất nghiệp và xúc tiến việc làm cho người lao động là hai chức năng cơ bản của bảo hiểm thất nghiệp, nhằm bảo đảm không chỉ là những nhu cầu cơ bản nhất về đời sống vật chất cho người lao động bị mất việc làm mà còn giúp họ nhanh chóng tìm được việc làm mới, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Do đó, việc quy định và tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp phải đảm bảo chi trả trợ cấp thất nghiệp không được tách rời khỏi hỗ trợ về việc làm, cụ thể:

- Các quy định về các chế độ bảo hiểm thất nghiệp phải chỉ rõ bao gồm cả chế độ trợ cấp thất nghiệp và chế độ hỗ trợ về việc làm.

- Song song với việc quy định các mức trợ cấp thất nghiệp, điều kiện và thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cần phải có các quy định về các biện pháp nhằm tạo điều kiện cho người lao động nhanh chóng quay trở lại thị trường lao động như cung cấp thông tin về thị trường lao động, đào tạo nghề, hỗ trợ doanh nghiệp nhận người lao động thất nghiệp...

- Việc chi trả trợ cấp thất nghiệp cần tiến hành đồng thời với thực hiện các chế độ hỗ trợ về việc làm nhằm nhanh chóng đưa người lao động quay trở lại thị trường lao động.

Việc quy định trợ cấp thất nghiệp gắn liền với chế độ hỗ trợ về việc làm là rất cần thiết để có thể bảo đảm được ý nghĩa thực tiễn của bảo hiểm thất nghiệp, bởi trợ cấp thất nghiệp chỉ đơn thuần bù đắp lại phần thu nhập bị mất đi cho người lao động bị mất việc làm mà không thể giải quyết được tình trạng thất nghiệp của họ. Khi đó, các hoạt động xúc tiến và tạo việc làm lại có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giải quyết thất nghiệp và ổn định thu nhập cho người lao động.

b) Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp phải đảm bảo khuyến khích người thất nghiệp chủ động tìm kiếm việc làm

Giống như các chế độ bảo hiểm xã hội khác, bảo hiểm thất nghiệp cũng nhằm mục đích hỗ trợ cuộc sống cho người lao động bị mất thu nhập do thất nghiệp thông qua việc chi trả cho người đủ điều kiện hưởng một khoản trợ cấp. Tuy nhiên, khác với các chế độ trợ cấp xã hội khác chỉ nhằm bù đắp một phần thu nhập bị mất của người lao động, trợ cấp thất nghiệp còn phải tạo được động lực tích cực cho người thất nghiệp để họ chủ động tìm kiếm việc làm, thoát khỏi tình trạng thất nghiệp. Nếu quy định mức trợ cấp quá cao, thời hạn hưởng trợ cấp kéo dài sẽ gây tâm lý trông chờ vào bảo hiểm thất nghiệp, chấp nhận tình trạng thất nghiệp để hưởng trợ cấp.

Do đó, việc xác định mức trợ cấp thất nghiệp, điều kiện hưởng và thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cũng cần phải dựa trên những đặc điểm khác nhau của mỗi quốc gia cũng như khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm thất nghiệp sao cho khoản trợ cấp này vừa có thể đảm bảo được những điều kiện sống cơ bản cho người lao động và gia đình của họ khi bị mất việc làm, vừa đủ thời gian để người lao động tìm việc làm hoặc học tập nâng cao tay nghề để có thể tìm được việc làm mới.

Khoản trợ cấp này thường được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mức lương và được trả hàng tháng cho người thất nghiệp trong một thời hạn nhất định. Mức trợ cấp thất nghiệp hàng tháng không thấp hơn mức lương tối thiểu và được cân đối với mức đóng bảo hiểm thất nghiệp trước đó của người lao động.

c) Mức hưởng bảo hiểm thất nghiệp được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng và có sự chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước chỉ thực hiện chức năng quản lý đối với các hoạt động kinh doanh. Bảo hiểm thất nghiệp thật sự trở thành “lưới đỡ” cho xã hội rất cần có tỉ lệ tương xứng giữa đóng góp với hưởng thụ của người lao động, tránh việc quỹ bảo hiểm không đủ khả năng chi trả và nhà nước phải đứng ra bù đắp phần lớn. Tuy nhiên, việc quy định tỉ lệ này phải đảm bảo được mức sống tối thiểu cho người lao động, xuất phát từ vai trò quan trọng của bảo hiểm thất nghiệp đó là hỗ trợ cuộc sống cho người lao động khi bị mất thu nhập do mất việc làm. Việc xác định mức hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp phải đảm bảo được khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm và tính khuyến khích người lao động chủ động tìm kiếm việc làm nhằm thoát khỏi tình trạng thất nghiệp. Nếu quy định tỉ lệ hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp quá thấp, thời gian được hưởng quá ít sẽ không bảo đảm được mức

sống tối thiểu cho người lao động, làm mất đi ý nghĩa của bảo hiểm thất nghiệp. Nhưng nếu quy định mức trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp quá cao, thời gian hưởng trợ cấp kéo dài lại dẫn đến khó cân đối tài chính giữa thu và chi bảo hiểm thất nghiệp, song song với nó là dễ gây tâm lý ỷ lại trông chờ vào sự trợ giúp của bảo hiểm thất nghiệp, không tích cực tìm việc làm của người lao động. Đây cũng là điểm khác biệt trong việc xác định mức trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp so với các loại trợ cấp bảo hiểm xã hội thông thường.

Mặt khác, pháp luật bảo hiểm thất nghiệp còn phải thể hiện tính xã hội, có sự chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm. Điều này xuất phát từ việc bảo hiểm thất nghiệp cũng là một chế độ của bảo hiểm xã hội, do đó nó cũng có tính chất tương trợ, lấy số đông bù số ít. Nếu không quán triệt nguyên tắc này thì các khoản trợ cấp sẽ chỉ đơn thuần là một khoản tiền tiết kiệm trả muợn và ý nghĩa xã hội của bảo hiểm thất nghiệp sẽ mất đi.

1.2.2. Nội dung pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

a) Quyền các bên trong pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

Theo Từ điển Tiếng Việt, “quyền” là “cái mà luật pháp, xã hội, phong tục hay lẽ phải cho phép hưởng thụ, vận dụng, thi hành... và khi thiếu được yêu cầu để có, nếu bị tước đoạt có thể đòi hỏi để giành lại”. Trong pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, “quyền” được thể hiện qua một số nội dung cơ bản như sau:

*** Quyền người lao động**

Thứ nhất, người lao động có quyền tham gia vào bảo hiểm thất nghiệp. Đây là một trong những quyền cơ bản của người lao động, xuất phát từ việc đảm bảo quyền được sống cho người lao động khi họ lâm vào hoàn cảnh mất thu nhập để duy trì cuộc sống do bị mất việc làm.

Tuy nhiên, tùy theo từng hệ thống pháp luật mà không phải tất cả mọi người lao động đều là đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Ví dụ những

người lao động nằm trong biên chế nhà nước (ít có khả năng bị mất việc làm) hoặc những người không còn khả năng lao động thường sẽ không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Tổ chức lao động quốc tế ILO đã có nhiều Công ước quy định rõ về vấn đề này. Trong Công ước số 44 “về bảo đảm tiền trợ cấp cho những người thất nghiệp không tự nguyện” ban hành năm 1934 quy định áp dụng bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người làm việc được trả tiền công hoặc tiền lương. Khi cần thiết pháp luật của mỗi quốc gia có thể quy định những ngoại lệ đối với những người giúp việc gia đình, làm việc tại nhà, những người làm công ăn lương trong các hệ thống dịch vụ công ích của Nhà nước, những người lao động chưa đến tuổi quy định, những người đã đến tuổi nghỉ hưu, chưa có thu nhập đủ đảm bảo tham gia bảo hiểm thất nghiệp (Điều 2) [7, tr96-98]. Theo công ước này, những người thuộc diện được bảo hiểm phải bảo đảm các yếu tố sau: có khả năng làm việc và sẵn sàng làm việc; đã đăng ký tìm việc làm tại một cơ sở dịch vụ việc làm công cộng hoặc các cơ sở khác có thẩm quyền; và có thể quy định ngoại lệ đối với một số lao động khi có điều kiện.

Điều 21 Công ước 102 năm 1952 cũng có quy định về những đối tượng được bảo vệ phải bao gồm:

- Những người làm công ăn lương được quy định, tổng số ít nhất chiếm 50% toàn bộ những người làm công ăn lương.

- Hoặc mọi người thường trú mà phương tiện sinh sống trong khi trường hợp bảo vệ xảy ra không vượt quá giới hạn quy định theo Điều 67.

- Hoặc, nếu đã có bản tuyên bố để áp dụng Điều 3, bao gồm những người làm công ăn lương mà tổng số ít nhất chiếm 50% toàn bộ những người làm công ăn lương làm việc trong các cơ sở công nghiệp đang sử dụng 20 người trở lên.

Ngoài ra tại Điều 20 của Công ước còn quy định: “Trường hợp bảo vệ phải gồm tình trạng gián đoạn thu nhập như pháp luật quốc gia quy định và xảy ra do không thể có được một công việc thích hợp, trong tình hình người được bảo vệ có khả năng làm việc và sẵn sàng làm việc” [8, tr130].

Một công ước nữa của ILO có quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp đó là Công ước số 168 về xúc tiến việc làm và bảo vệ chống lại thất nghiệp, được thông qua năm 1988 nhằm bổ sung, hoàn chỉnh các Công ước và khuyến nghị trước đó trong lĩnh vực việc làm và chống thất nghiệp. Điều 11 Công ước này quy định: “Những người được bảo vệ sẽ gồm những người làm công ăn lương khu vực công cộng và những người học nghề” [8, tr276, 84]. Ngoài ra, tại Điều 26 còn đưa ra một số điều khoản đặc biệt để áp dụng với một số loại lao động mới xin việc lần đầu, hoặc không được xem là thất nghiệp, hoặc chưa bao giờ, hoặc không được tham gia chương trình bảo vệ người thất nghiệp... Về điều kiện để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, trong Công ước 168 quy định khá chặt chẽ “hoàn thành một thời gian làm việc, thời gian này không được vượt quá mức cần thiết đối với từng nghề nghiệp của những người lao động theo thời vụ” (Điều 17). Công ước 168 đã khuyến khích các nước mở rộng đối tượng tham gia vào bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả lao động bán thời gian, kể cả đối tượng không có việc làm gì khác lẫn đối tượng bán thời gian để tìm việc toàn phần.

Từ các Công ước trên có thể thấy, đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp phải là những người làm công ăn lương (tuy nhiên tùy vào điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia có thể mở rộng thêm đối tượng), có khả năng làm việc và sẵn sàng làm việc.

Thứ hai, người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm.

Để đảm bảo được ý nghĩa của bảo hiểm thất nghiệp là giúp cho người lao động có thể bảo đảm được cuộc sống tối thiểu khi bị mất thu nhập do mất việc làm, người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp cần phải được hưởng trợ cấp thất nghiệp, như là một khoản thay thế hoặc bù đắp tiền lương cho người người mất việc làm.

Người lao động muốn hưởng trợ cấp thất nghiệp cần thoả mãn những điều kiện nhất định, thường bao gồm:

- Người tham gia bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm trong một thời gian nhất định. Điều này có nghĩa là người lao động sẽ phải có một quá trình làm việc nhất định và thời gian đóng bảo hiểm tối thiểu trước khi thất nghiệp. Việc quy định thời gian tối thiểu là bao nhiêu tùy thuộc vào mỗi nước.

- Người lao động phải đăng ký thất nghiệp, đăng ký tìm việc làm tại cơ quan lao động có thẩm quyền do nhà nước quy định. Điều này giúp cho cơ quan quản lý lao động theo dõi, quản lý, kiểm soát được số người thất nghiệp và đảm bảo chi trả trợ cấp đúng đối tượng.

- Thất nghiệp không phải do lỗi của người lao động. Để thoả mãn điều kiện này, người lao động phải chứng minh được việc thất nghiệp không phải do lỗi của bản thân họ. Pháp luật các nước thường đưa ra các tiêu chí xác định trường hợp mất quyền hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp với các lý do như: tự ý bỏ việc không chính đáng, vi phạm kỷ luật dẫn đến mất việc...

- Có sổ bảo hiểm thất nghiệp. Sổ bảo hiểm thất nghiệp là cơ sở pháp lý chứng nhận sự tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động bao gồm mức đóng và thời hạn đóng bảo hiểm.

Thứ ba, người lao động có quyền được tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhanh chóng quay trở lại thị trường lao động.

Quyền này xuất phát từ một quyền cơ bản của con người, đó là quyền được làm việc. Con người không có việc làm, không được làm việc để kiếm

sống sẽ không có khả năng nuôi sống bản thân cũng như gia đình của họ. Do đó bảo hiểm thất nghiệp không thể chỉ dừng lại ở việc chi trả trợ cấp thất nghiệp, mà còn phải giúp cho người thất nghiệp nhanh chóng tìm được việc làm mới.

Bảo hiểm thất nghiệp và giải quyết việc làm cho người thất nghiệp có mối quan hệ biện chứng gắn bó chặt chẽ với nhau, là hai giai đoạn của một quá trình, hai mặt của sự thống nhất. Cả hai chế độ này đều có cùng một mục đích đó là hướng về người lao động, tạo lập an sinh xã hội thông qua đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động. Nếu như bảo hiểm thất nghiệp là việc bù đắp một phần thu nhập cho người lao động thông qua các quy định về mức hưởng trợ cấp, thời gian hưởng và quyền của người lao động trong quá trình bảo hiểm, thì giải quyết việc làm chính là sự tiếp nối của bảo hiểm thất nghiệp. Giải quyết tốt việc làm cho người lao động chính là góp phần giảm thiểu thất nghiệp, và thực hiện đầy đủ những quy định về bảo hiểm thất nghiệp cũng góp phần phát triển một thị trường lao động lành mạnh.

Trách nhiệm của Nhà nước trong vấn đề giải quyết việc làm cho người thất nghiệp là rất quan trọng, nó giúp người thất nghiệp trở lại với thị trường lao động thông qua một số biện pháp cụ thể như: hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm; hỗ trợ kinh phí đào tạo, đào tạo lại cho người thất nghiệp; hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp nhận người thất nghiệp vào làm việc; hỗ trợ kinh phí cho người thất nghiệp tự tạo việc làm; tổ chức việc làm tạm thời cho người thất nghiệp; thực hiện các hoạt động ngăn chặn thất nghiệp như đề xuất chỗ làm thêm trong các doanh nghiệp, giảm giờ làm, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại, nâng cao trình độ hiểu biết về pháp luật và kỹ luật lao động.

* Quyền người sử dụng lao động

Bảo hiểm thất nghiệp không chỉ đảm bảo quyền lợi cho người lao động mà nó còn mang lại lợi ích đáng kể cho người sử dụng lao động. Để thực hiện quá trình sản xuất, kinh doanh thì người sử dụng lao động đã sử dụng một lực lượng lao động trong xã hội với trình độ , tay nghề nhất định giúp người sử dụng lao động tạo ra lợi nhuận. Vì vậy, người sử dụng lao động cũng cần phải có nghĩa vụ đóng góp để tái tạo lại sức lao động cho người lao động mà trong quá trình sử dụng bị rủi ro . Thêm vào đó , người sử dụng lao động còn được sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để chi trả cho việc đào tạo lại , đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động . Do đó, việc tham gia bảo hiểm thất nghiệp vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi của người sử dụng lao động.

Phạm vi giới hạn những người sử dụng lao động nào được tham gia bảo hiểm xã hội tùy theo việc người sử dụng lao động đó có sử dụng những người lao động được tham gia bảo hiểm thất nghiệp hay không. Hay nói cách khác, tại các đơn vị có sử dụng người lao động được tham gia bảo hiểm thất nghiệp, thì người sử dụng lao động cũng được tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

b) Nghĩa vụ các bên pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

ĐỐI NGƯỢC VỚI “QUYỀN”, “NGHĨA VỤ” ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA TRONG TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT LÀ “VIỆC MÀ PHÁP LUẬT HAY ĐẠO ĐỨC BẮT BUỘC PHẢI LÀM ĐỐI VỚI XÃ HỘI, ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÁC”. TRONG PHÁP LUẬT BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, NỘI DUNG VỀ NGHĨA VỤ ĐƯỢC THỂ HIỆN Ở MỘT SỐ ĐIỂM SAU ĐÂY:

Một là, nghĩa vụ đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Từ sự nghiên cứu pháp luật các nước trên thế giới cho thấy, có 3 nhóm đối tượng có thể tham gia vào việc lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp là: người sử dụng lao động, người lao động và Nhà nước. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng nước mà mỗi quốc gia có quy định khác nhau về mức độ đóng góp và cách thức đóng góp vào quỹ bảo hiểm.

Ở đây cần phải thấy rằng sự tham gia của Nhà nước vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp là không thể thiếu, bởi thất nghiệp là một vấn đề có tính xã hội rộng lớn. Nhà nước không chỉ ban hành pháp luật mà còn trực tiếp đóng góp để hỗ trợ quỹ bảo hiểm thất nghiệp khi có sự thiếu hụt để bảo toàn giá trị của quỹ hoặc đóng góp theo định kỳ vào quỹ. Mặc dù chỉ tham gia đóng góp một phần nhưng với tư cách là chủ thể quản lý xã hội, Nhà nước có quyền chi phối toàn bộ quỹ thông qua hệ thống pháp luật nhằm khắc phục hậu quả của tình trạng thất nghiệp, qua đó góp phần ổn định xã hội. Đặc biệt khi nền kinh tế suy thoái, lạm phát, sản xuất ngừng trệ... dẫn đến người lao động thất nghiệp hàng loạt, Nhà nước có thể chủ động về tài chính để ứng phó với tình hình này, không phải chi cùng lúc một khoản tiền lớn trả trợ cấp cho người lao động bị mất việc làm. Mặt khác, nhiều khi lao động thất nghiệp không hẳn do lỗi tại doanh nghiệp hay người lao động, mà do những thay đổi trong chính sách của nhà nước hoặc quản lý thị trường kém hiệu quả. Vì vậy, Nhà nước cũng có trách nhiệm tham gia đóng góp xây dựng quỹ bảo hiểm thất nghiệp [9, tr38].

Người lao động là đối tượng trực tiếp hưởng những quyền lợi mà bảo hiểm thất nghiệp mang lại, do đó họ có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động muốn được hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp thì phải tham gia đóng góp vào quỹ như một khoản tiền tiết kiệm để khắc phục rủi ro khi mất việc làm nhằm duy trì cuộc sống của mình ở mức độ cần thiết. Sự đóng góp của người lao động vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp phải quán triệt nguyên tắc lấy số đông bù số ít, có sự chia sẻ rủi ro với những người thất nghiệp.

Đối với người sử dụng lao động, để thực hiện quá trình sản xuất, kinh doanh thì người sử dụng lao động đã sử dụng một lực lượng lao động trong xã hội với trình độ, tay nghề nhất định giúp người sử dụng lao động tạo ra lợi

nhuận. Vì vậy, người sử dụng lao động cũng cần phải có nghĩa vụ đóng góp để tái tạo lại sức lao động cho người lao động mà trong quá trình sử dụng bị rủi ro. Thêm vào đó, người sử dụng lao động còn được sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để chi trả cho việc đào tạo lại, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động. Do đó, việc tham gia đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp vừa là trách nhiệm, vừa là quyền lợi của người sử dụng lao động.

Hai là, người lao động có nghĩa vụ phải khai báo trung thực về tình hình việc làm của bản thân. Việc thông báo về tình hình việc làm có ý nghĩa to lớn trong việc quản lý tình hình lao động và việc làm của nhà nước. Điều này giúp cho nhà nước quản lý tốt hơn tình trạng thất nghiệp, có thể đưa ra những chủ trương, chính sách kịp thời và phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm hạn chế tình trạng thất nghiệp cũng như nhanh chóng giải quyết việc làm cho những người lao động còn đang thất nghiệp.

Ba là, nhà nước có trách nhiệm và vai trò to lớn trong việc quản lý, điều hành việc thực hiện bảo hiểm thất nghiệp. Để bảo hiểm thất nghiệp có thể đi vào đời sống và được triển khai trên phạm vi cả nước thì trách nhiệm của nhà nước là vô cùng quan trọng. Thông qua việc thiết lập bộ máy thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, nhà nước tiến hành thực hiện một các đồng bộ các công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm thất nghiệp, có vai trò cốt yếu trong việc đưa bảo hiểm thất nghiệp vào đời sống. Mặt khác, nhà nước với quyền lực đặc biệt của mình là chủ thể duy nhất thực hiện việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách bảo hiểm thất nghiệp; đồng thời ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp; tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật đó.

1.3. Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp của một số quốc gia trên thế giới

Bảo hiểm thất nghiệp đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX, khởi đầu là nguồn tài chính của quỹ công đoàn. Dần dần một số chủ doanh nghiệp vì lợi

ích của chính họ để ổn định đội ngũ công nhân lành nghề đã thành lập quỹ trợ cấp thôi việc, nghỉ việc tạm thời, thất nghiệp một phần trong doanh nghiệp. Số người được hưởng hay “bảo vệ” chỉ đóng khung trong doanh nghiệp. Về sau một số thành phố, chính quyền đứng ra thành lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp với phương thức tự nguyện, với phương thức này quỹ bảo hiểm thất nghiệp chỉ thu hút được những người lao động trong phạm vi thành phố đó và là những người có việc làm không ổn định, người có thu nhập thấp, dẫn đến quỹ thu không đủ để chi. Những thành phố mà chính quyền không đứng ra thành lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp, thì một số thành phố chính quyền tài trợ cho các quỹ bảo hiểm tư nhân, nhất là quỹ công đoàn để tăng thêm mức trợ cấp cho người thất nghiệp và đảm bảo an toàn quỹ. Để khắc phục tình trạng trên, muốn duy trì và phát triển quỹ bảo hiểm thất nghiệp để “bảo vệ” người lao động, đòi hỏi khách quan là phải mở rộng bảo hiểm thất nghiệp đến tầm quốc gia.

1.3.1. Bảo hiểm thất nghiệp Cộng hòa liên bang Đức [45]:

Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện ở Đức từ năm 1919 và chính thức luật hóa bằng Luật Bảo hiểm xã hội vào năm 1927. Đây là một nhánh của bảo hiểm xã hội bên cạnh bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm chăm sóc.

Bảo hiểm thất nghiệp là một chương trình bảo hiểm bắt buộc dựa trên sự đóng góp tài chính của người lao động và người sử dụng lao động. Chế độ bảo hiểm thất nghiệp bao gồm trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ tìm việc làm và đào tạo.

Đối tượng áp dụng là những người làm công, bao gồm cả người làm việc tại nhà, đang học việc, thực tập sinh. Những đối tượng khác (bao gồm cả những người đang theo học các khóa đào tạo nghề) cũng thuộc diện bảo vệ

tùy theo từng điều kiện. Những người làm thuê không ổn định không được tham gia.

Việc hình thành quỹ bảo hiểm thất nghiệp do người sử dụng lao động và người lao động đóng góp theo tỉ lệ mỗi bên 50%. Tổng mức đóng là 3% lương chưa khấu trừ của người lao động (trước đây là 6,5%). Chính phủ sẽ cho vay hoặc trợ cấp khi có hiện tượng thâm hụt quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Thu nhập tối đa được làm căn cứ đóng là 5600 euro/tháng.

Điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp: người lao động phải có hợp đồng lao động tối thiểu 12 tháng (trong thời gian 3 năm cuối trước khi đăng ký thất nghiệp) và đã đóng bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc. Trong một số trường hợp đặc biệt (ví dụ: chăm sóc thành viên gia đình, chăm sóc trẻ em dưới 3 tuổi), thời gian này được loại trừ khỏi giai đoạn xem xét. Đối với người lao động làm việc thường xuyên dưới 12 tháng trong 1 năm vì lý do đặc thù của công việc (gọi là các lao động thời vụ) thì chỉ cần có đủ 6 tháng làm việc và đóng bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc. Người lao động nước ngoài có công việc thường xuyên có thể nhận được bảo hiểm thất nghiệp theo các điều kiện tương tự như người lao động Đức.

Đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp phải là người bị thất nghiệp, đã đăng ký tại cơ quan việc làm địa phương và có đủ điều kiện về thời gian làm việc và đóng bảo hiểm. Người hưởng bảo hiểm thất nghiệp phải sẵn sàng nhận công việc mới, nỗ lực tìm việc làm và có trách nhiệm báo cáo với cơ quan việc làm về tình trạng việc làm của mình. Người trên 65 tuổi sẽ không được nhận bảo hiểm thất nghiệp. Tại Đức, công việc đòi hỏi thời gian làm việc dưới 15 giờ/tuần hoặc có được một khoản thu nhập dưới 325 euro (hoặc lao động tự lập có mức thu nhập tương tự) được gọi là “việc làm phụ” cũng có thể được đăng ký và hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Mức hưởng bảo hiểm thất nghiệp: trợ cấp thất nghiệp bằng 60% lương thực tế sau khi đã trừ đi các khoản đóng góp bắt buộc (thuế thu nhập, đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế). Trường hợp người lao động có ít nhất một trẻ em phụ thuộc sẽ được nhận mức trợ cấp bằng 67% lương thực tế, tối đa không quá mức trần 2964 euro/tháng (năm 2012). Thu nhập từ bảo hiểm thất nghiệp không phải chịu thuế. Trong thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp, người lao động vẫn được hưởng bảo hiểm y tế và được tham gia bảo hiểm xã hội.

Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp tùy thuộc vào thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp và độ tuổi của người lao động. Theo quy định áp dụng từ năm 2008, trường hợp người thất nghiệp trong độ tuổi 50-54 sẽ được nhận trợ cấp thất nghiệp tối đa 15 tháng, trong độ tuổi 55-57 sẽ hưởng trợ cấp tối đa 18 tháng; từ 58 tuổi trở lên sẽ hưởng trợ cấp 24 tháng; trường hợp người lao động dưới 50 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp 30 tháng sẽ hưởng trợ cấp thất nghiệp tối đa 12 tháng.

Các cơ quan tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: Bộ Lao động và Chính sách xã hội thực hiện giám sát chung. Cơ quan việc làm địa phương chịu trách nhiệm sắp xếp việc làm, chỉ dẫn việc làm, quản lý trợ cấp. Việc tổ chức triển khai bảo hiểm thất nghiệp cũng nằm trong hệ thống cơ quan bảo hiểm xã hội. Cơ quan này được chia theo các cấp tương ứng với các cấp chính quyền trong cả nước. Việc xét trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, quản lý bảo hiểm thất nghiệp cũng tương tự như các chế độ bảo hiểm xã hội khác. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được gộp vào quỹ trợ cấp ốm đau để hình thành một quỹ thành phần. Quỹ này có nhiệm vụ thu các khoản đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động.

Đức là một quốc gia phát triển và được xem như là một trong những nước có phúc lợi xã hội cao nhất. Có thể thấy chính sách bảo hiểm thất nghiệp

của Đức có nhiều điểm tiến bộ mà nước ta cần học hỏi và hướng tới trong thời gian tiếp theo, như: phạm vi đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp rất rộng, bao gồm cả những người đang trong giai đoạn học nghề, việc làm phụ...; nhà nước không tham gia đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội mà chỉ đóng vai trò hỗ trợ khi quỹ bảo hiểm gặp khó khăn về tài chính; điều kiện hưởng có nhiều quy định linh hoạt cho các trường hợp đặc thù...

1.3.2. Bảo hiểm thất nghiệp Hoa Kỳ [28]:

Ở Mỹ, trợ cấp thất nghiệp được thực hiện từ năm 1935. Từ đó đến nay có nhiều thay đổi thông qua 53 chương trình riêng biệt. Thực chất trợ cấp thất nghiệp ở Mỹ là trợ cấp cho những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, người có tuổi nhưng vẫn có khả năng lao động, có nguyện vọng đi làm mà vẫn chưa tìm được việc làm. Trợ cấp thất nghiệp được lấy từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Quỹ này do người sử dụng lao động đóng góp. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp không áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp mà phụ thuộc vào lịch sử doanh nghiệp, số công nhân phải sa thải. Như vậy, có doanh nghiệp phải đóng nhiều, đóng ít hoặc không phải đóng. Quỹ bảo hiểm phải đóng cho chính phủ bang và liên bang. Người muốn được hưởng trợ cấp thất nghiệp phải khai báo, đăng ký vào danh sách tìm việc và danh sách đào tạo lại. Phải có 46 tuần làm việc trước đó, mất việc do khách quan và đủ khả năng trở lại làm việc. Mức trợ cấp là 280USD/tuần/người. Thời gian hưởng tối đa là 26 tuần. Trường hợp đặc biệt không quá 30 tuần. Đồng thời với trợ cấp thất nghiệp, chính phủ cung cấp nhiều điều kiện cho người thất nghiệp trở lại làm việc như: tìm hiểu khả năng, nhu cầu người mất việc, giúp tìm kiếm thông tin, giúp viết đơn xin việc... Thông thường sau 15 tuần, người thất nghiệp đã tìm được việc mới.

Hoa Kỳ là quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất trên thế giới, và công dân Hoa Kỳ được hưởng chế độ phúc lợi xã hội rất tốt, trong đó có bảo hiểm

thất nghiệp. Có thể thấy bảo hiểm thất nghiệp của Hoa Kỳ rất linh hoạt và khác biệt trong quy định về việc đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp, theo đó chỉ có người sử dụng lao động phải đóng góp vào quỹ và mức đóng góp cho từng doanh nghiệp là khác nhau. Điều này sẽ khuyến khích mọi người lao động đủ điều kiện đều có thể tham gia bảo hiểm thất nghiệp, mà không phải lo lắng vì một phần thu nhập hàng tháng sẽ bị trích ra để đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; đồng thời tránh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đóng góp một khoản tiền quá lớn, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như hạn chế hành vi sa thải nhân viên của các doanh nghiệp do đây cũng là một yếu tố để xét mức đóng bảo hiểm thất nghiệp. Trong tương lai khi nền kinh tế nước ta đã có bước phát triển cũng có thể học tập theo phương pháp này.

1.3.3. Bảo hiểm thất nghiệp Anh [28]:

Trong vòng 20 năm qua, khái niệm thất nghiệp đã 32 lần thay đổi: mở rộng ra hoặc co hẹp lại tùy theo chính sách của từng chính phủ trong từng giai đoạn phát triển kinh tế. Khái niệm thất nghiệp hiện nay của Chính phủ công đảng gần giống với khái niệm thất nghiệp của ILO đó là: người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có nguyện vọng đi làm việc mà chưa tìm được việc làm. Chính vì thế họ đã thay đổi tên gọi trợ cấp thất nghiệp bằng tên gọi “trợ cấp đi tìm việc làm”. Cách gọi mới này mang tính tích cực phản ánh đúng mục đích của trợ cấp là hỗ trợ, thúc giục người chưa có việc làm đi tìm việc làm. Khoản trợ cấp này là 75 bảng/tuần và để hưởng nó phải:

- Tích cực đi tìm việc: cứ 2 tuần phải đến trình diện để họ kiểm tra 1 lần.
- Sau 6 tháng nếu vẫn chưa tìm được việc làm thì sẽ có các chương trình đưa ra để lựa chọn:

+ Đi làm có trợ cấp: chủ sử dụng lao động nếu nhận người thất nghiệp vào làm việc sẽ được chính phủ trợ cấp 750 bảng cho đào tạo nghề và 60 bảng mỗi tuần trong vòng 6 tháng.

+ Đi học thoát ly hoàn toàn để nhận chứng chỉ nghề quốc gia, được hưởng trợ cấp tương đương trợ cấp tìm việc làm.

+ Đi làm việc ở các đội công tác môi trường trong 6 tháng vẫn được nhận trợ cấp tương đương trợ cấp tìm việc làm.

Từ tên gọi của trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp ở Anh là “trợ cấp đi tìm việc làm” đã thấy được sự tiến bộ cần học tập trong chính sách bảo hiểm thất nghiệp ở Anh, đó là bảo hiểm thất nghiệp phải gắn liền với việc làm. Đồng thời họ còn có quy định sát sao trong việc kiểm tra tình hình việc làm của người lao động đó là để hưởng trợ cấp thì cứ 2 tuần phải đến trình diện để kiểm tra 1 lần. Đây là những quy định rất tiến bộ mà pháp luật Việt Nam cần xem xét để học tập và áp dụng ngay trong thực tiễn.

1.3.4. Bảo hiểm thất nghiệp của Liên bang Nga [34]:

Ở Nga, bảo hiểm thất nghiệp là bắt buộc đối với tất cả người lao động trong độ tuổi từ 16 đến 59 tuổi đối với nam và 54 tuổi đối với nữ.

Người được hưởng trợ cấp thất nghiệp là người đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp, đã đăng ký thất nghiệp tại văn phòng việc làm và phải chứng minh có khả năng và sẵn sàng tiếp tục làm việc.

Nếu người lao động bị sa thải do vi phạm kỉ luật lao động, bỏ việc mà không có lý do chính đáng hoặc có hành vi gian lận thì sẽ bị cắt giảm trợ cấp thất nghiệp hoặc không được hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp do Chính phủ quy định. Năm 2012, mức trợ cấp tối thiểu là 850 RUB và tối đa là 4900 RUB, được trả từ ngày đầu tiên đăng ký thất nghiệp.

Mức trợ cấp thất nghiệp rất thấp, trung bình là 20% mức lương tối thiểu vào năm 1995 và tăng lên 30% vào năm 1997, thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế phát triển và ở các nước Đông Âu (ở các nước Đông Âu tỉ lệ này là 40-60% vào những năm 1990 và giảm xuống còn 35% vào năm 1995).

Một nửa số người đăng ký thất nghiệp ở Nga đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp tối thiểu, tương đương với 8% mức lương trung bình và 20% mức chi tiêu bình quân của một người lao động (ở các nước trong khu vực, mức trợ cấp thất nghiệp trung bình bằng 30-50% mức chi tiêu bình quân).

Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp không quá 12 tháng cộng dồn trong khoảng thời gian 26 tháng, ngoại trừ các quy định riêng của từng bang.

Các chế độ khác: người hưởng bảo hiểm thất nghiệp ngoài hưởng trợ cấp thất nghiệp còn được hưởng bảo hiểm y tế dù không còn tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian thất nghiệp.

Về mức đóng góp: trước năm 2001, người sử dụng lao động đóng 1,5% tổng quỹ lương cho quỹ Việc làm Nhà nước. Tuy nhiên khi Luật Thuế xã hội duy nhất triển khai năm 2001, bảo hiểm thất nghiệp bị bãi bỏ và Quỹ Việc làm Nhà nước bị giải tán. Hiện nay trợ cấp thất nghiệp do ngân sách liên bang chi trả.

Các quy định về bảo hiểm thất nghiệp của Liên bang Nga tương đối chặt chẽ và không có nhiều ưu đãi cho người lao động, đặc biệt là mức trợ cấp thấp. Tuy nhiên, người lao động lại được trả trợ cấp ngay từ ngày đầu tiên đăng ký thất nghiệp chứ không phải trải qua một khoảng thời gian chờ như các nước khác, đây là điều mà nước ta cần xem xét áp dụng. Quy định này giúp cho việc thực hiện chi trả bảo hiểm thất nghiệp dễ dàng hơn, đồng thời cũng phù hợp hơn với thực tế là người lao động đã không còn việc làm thì họ cũng không còn khoản thu nhập nào để trang trải cuộc sống, dẫn tới việc phải

trải qua một khoảng thời gian chờ đợi để hưởng trợ cấp thất nghiệp có thể khiến cho họ lâm vào những khó khăn nhất định.

1.3.5. Bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc [27]:

Năm 1999, chính phủ Trung Quốc đã ban hành những quy định về bảo hiểm thất nghiệp, đưa hệ thống bảo hiểm thất nghiệp lên một bước phát triển mới. Hiện nay, bảo hiểm thất nghiệp là một trong năm chính sách bảo hiểm xã hội của Trung Quốc, bên cạnh các chế độ khác như: hưu trí, bảo hiểm y tế cơ bản, tai nạn lao động và thai sản.

Đối tượng áp dụng của bảo hiểm thất nghiệp bao gồm tất cả người lao động ở thành thị, người lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân ở các thành phố, thị trấn, doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp khác; nông dân làm hợp đồng trong các doanh nghiệp, cơ quan; người lao động làm việc trong các tổ chức xã hội hoặc các đơn vị do cộng đồng điều hành.

Nguồn của quỹ bảo hiểm thất nghiệp gồm: các doanh nghiệp ở thành phố và thị trấn đóng 2% quỹ tiền lương, người lao động đóng 1% tiền lương. Nông dân làm việc theo hợp đồng trong các doanh nghiệp không phải đóng góp.

Để nâng cao khả năng thanh toán của bảo hiểm thất nghiệp, Trung Quốc đã xã hội cơ chế hỗ trợ của Trung ương đối với vùng khó khăn trong chi tiêu quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Cụ thể, chính quyền địa phương có nhiệm vụ cung cấp tài chính hỗ trợ nhằm khắc phục thâm hụt quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Các chế độ bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ y tế trong quá trình hưởng trợ cấp thất nghiệp; chi phí mai táng khi tử vong; tổ chức các lớp đào tạo, dạy nghề và giới thiệu việc làm.

Chính phủ Trung Quốc chủ trương quỹ bảo hiểm thất nghiệp phải dành một tỷ lệ nhất định chi cho việc bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp và thông tin thị trường lao động, phát huy vai trò của quỹ trong việc thúc đẩy việc làm.

Để nhận trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cần có 3 điều kiện sau: đã đóng phí bảo hiểm thất nghiệp đủ trọn một năm; sự hủy bỏ công việc đang làm không phải do tự bản thân; đã đăng ký thất nghiệp và có đơn xin tái làm việc đã được điền đầy đủ. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp bao gồm chủ yếu là tiền bảo hiểm thất nghiệp mà người được hưởng có thể nhận hàng tháng ở mức thấp hơn mức lương tối thiểu nhưng lại cao hơn mức trợ cấp cho mức sống tối thiểu đối với người dân thành thị.

Thời gian hưởng trợ cấp phụ thuộc số thời gian đóng phí bảo hiểm, tối đa là 24 tháng. Khi người lao động bị tái thất nghiệp sau khi đã tìm được việc làm mới thì thời gian đóng góp cho quỹ sẽ được tính toán lại trên cơ sở xem xét khoảng thời gian họ đã nhận bảo hiểm thất nghiệp trước đây, tuy nhiên mức tối đa cũng không được vượt quá 24 tháng.

Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp do chính quyền địa phương quy định nhưng luôn cao hơn chuẩn trợ giúp xã hội và thấp hơn mức tiền lương tối thiểu tại địa phương.

Việc quản lý nhà nước về bảo hiểm thất nghiệp (ban hành chế độ, chính sách, kiểm tra giám sát việc thực hiện...) do Bộ Lao động và An sinh xã hội đảm nhận. Cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện các nhiệm vụ: tiếp nhận đăng ký tham gia; tổ chức thu bảo hiểm xã hội; hạch toán các khoản đóng góp; quản lý tài khoản cá nhân của người tham gia; kiểm tra tính phù hợp của các yêu cầu; chi trả các khoản trợ cấp; quản lý quỹ bảo hiểm xã hội. Ngành lao động và bảo đảm xã hội chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình thất nghiệp và số người được nhận trợ cấp thất nghiệp nhằm tham mưu cho Chính phủ có những quyết sách kịp thời.

Có thể thấy chính sách bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc có nhiều điểm mà Việt Nam cần phải học hỏi, điển hình là việc không quy định bắt buộc mức đóng góp của nhà nước mà chỉ quy định việc hỗ trợ tài chính của chính quyền địa phương khi quỹ bảo hiểm thất nghiệp xảy ra thâm hụt. Đồng thời quy định việc quỹ bảo hiểm thất nghiệp phải dành tỷ lệ nhất định cho việc bồi dưỡng kỹ năng nghề và thông tin thị trường lao động cũng nên được áp dụng đối với pháp luật nước ta để nâng cao hiệu quả của hoạt động hỗ trợ người thất nghiệp quay trở lại thị trường lao động.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam

2.1.1. Về đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Đối tượng của bảo hiểm thất nghiệp là mỗi quan tâm hàng đầu của Tổ chức lao động quốc tế cũng như các quốc gia trên thế giới khi xây dựng các quy định về bảo hiểm thất nghiệp. Ở Việt Nam, theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội thì đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp bao gồm:

a) Người lao động

Khoản 3 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: “Người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp là công dân Việt Nam làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc mà các hợp đồng này không xác định thời hạn hoặc xác định thời hạn từ đủ mười hai tháng đến ba mươi sáu tháng với người sử dụng lao động quy định tại khoản 4 Điều này” (người sử dụng lao động có sử dụng từ 10 lao động trở lên). Có thể thấy không phải tất cả người lao động bị mất việc làm đều thuộc đối tượng tham gia và hưởng trợ cấp thất nghiệp mà chỉ bao gồm những người lao động thỏa mãn được các điều kiện sau:

- là công dân Việt Nam;
- giao kết các loại hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc sau đây với người sử dụng lao động có sử dụng từ 10 lao động trở lên (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp; khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP):

- + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng;
- + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
- + Hợp đồng làm việc xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng;

+ Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.

Như vậy, những người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có sử dụng dưới 10 lao động; người lao động làm việc có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc dưới 12 tháng... không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP thì những người lao động sau đây cũng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:

- Người đang hưởng lương hưu hàng tháng, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng có giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc với người sử dụng lao động;

- Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản hoặc ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, không hưởng tiền lương, tiền công tháng tại đơn vị mà hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội; người lao động tạm hoãn thực hiện giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật thì thời gian này người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Trải qua thời gian 5 năm thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, việc giới hạn đối tượng người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp đã trở nên không còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện đại. Trong những năm gần đây, lực lượng lao động là người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cũng khá đông đảo và ngày càng tăng. Theo báo cáo của Cục Quản lý Lao động Ngoài nước, những năm qua, bình quân mỗi năm Việt Nam đưa khoảng 85000 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trong số đó, không ít người ngay sau khi hết thời hạn hoặc buộc phải trở về Việt Nam lại không có việc làm và cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn nhưng lại không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Mặt khác, trong quá trình phát triển kinh tế, số lượng doanh nghiệp

nhỏ với quy mô dưới 10 lao động cũng ngày càng gia tăng, hay tình trạng người sử dụng lao động tăng cường ký kết các loại hợp đồng lao động ngắn hạn dưới 12 tháng nhằm tiết kiệm các chi phí nhân sự cũng khiến cho số lượng lớn người lao động hiện nay rơi vào nhóm đối tượng có nguy cơ bị mất việc làm cao do tính chất việc làm không ổn định.

Thêm vào đó, pháp luật bảo hiểm thất nghiệp đã đi vào thực tiễn cuộc sống 5 năm, quỹ bảo hiểm thất nghiệp cũng không còn gặp nhiều khó khăn về tài chính như khi mới thành lập, điều kiện kinh tế - xã hội đã được cải thiện đáng kể so với thời điểm ban hành Luật Bảo hiểm xã hội. Do đó, cần thiết phải có sự mở rộng phạm vi đối tượng người lao động được tham gia bảo hiểm thất nghiệp, nhằm đảm bảo được quyền lợi cho người lao động nói riêng và an sinh xã hội nước ta nói chung, cũng như tiến gần hơn tới các tiêu chuẩn về an toàn xã hội hiện đại và tiên bộ của thế giới.

b) Người sử dụng lao động

Cũng như đối với người lao động, pháp luật Việt Nam cũng giới hạn phạm vi người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 3 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP thì việc tham gia bảo hiểm thất nghiệp chỉ áp dụng đối với người sử dụng lao động có sử dụng từ 10 lao động trở lên tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân sau:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân;

- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp tổ chức chính trị, đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội khác;

- Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư;
- Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- Hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng người lao động là người Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Người sử dụng lao động phải sử dụng từ 10 lao động trở lên ở đây được hiểu là người sử dụng lao động có tổng số người lao động đang được sử dụng từ 10 người trở lên, không phân biệt thời hạn của hợp đồng lao động, thì phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, khi đóng bảo hiểm thất nghiệp thì người sử dụng lao động chỉ phải đóng bảo hiểm thất nghiệp cho những lao động đã ký kết hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

Hiện nay, số lượng doanh nghiệp có quy mô nhỏ sử dụng dưới 10 lao động đang ngày càng tăng, dẫn tới việc giới hạn đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp như trên đã khiến cho một số lượng lớn người lao động và người sử dụng lao động không thuộc đối tượng được tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Trong khi đó, những doanh nghiệp nhỏ sử dụng ít lao động là một trong những đối tượng dễ bị thất nghiệp nhất do tính chất không ổn định của loại hình doanh nghiệp này.

c) Nhà nước

Sự tham gia của nhà nước đối với bảo hiểm xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng. Thất nghiệp là một vấn đề có tính xã hội rộng lớn, những ảnh

hưởng tiêu cực của nó đối với quá trình phát triển của nền kinh tế đã không còn xa lạ trong bối cảnh hiện nay. Do đó, nhà nước với những chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đặc biệt của mình cần phải tham gia vào bảo hiểm thất nghiệp, không chỉ bằng cách ban hành các chính sách, pháp luật mà còn trực tiếp đóng góp bằng cách trích một khoản ngân sách để hỗ trợ quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 102 Luật Bảo hiểm xã hội và khoản 2 Điều 26 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP thì hàng tháng, Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp, khoản kinh phí này trích từ ngân sách nhà nước để chuyển vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và mỗi năm chuyển một lần.

Sự tham gia của Nhà nước trong việc hình thành nên quỹ bảo hiểm thất nghiệp là cần thiết, bởi thất nghiệp là một vấn đề xã hội do đó Nhà nước cần phải đóng vai trò chủ đạo để điều chỉnh các quan hệ xã hội và giải quyết tình trạng thất nghiệp. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng trên thực tế có rất ít quốc gia xác định mức hỗ trợ của Nhà nước bằng với mức đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động, mà đa phần chỉ bù đắp khi có sự thiếu hụt về tài chính. Việc quy định sự đóng góp bắt buộc của Nhà nước với tỉ lệ ngang bằng với người lao động và người sử dụng lao động như hiện nay sẽ dễ dẫn tới sự ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, tạo cơ hội cho người sử dụng lao động chậm đóng bảo hiểm thất nghiệp.

2.1.2. Về điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Xuất phát từ đặc điểm của bảo hiểm thất nghiệp trong việc xác định đối tượng được thụ hưởng trợ cấp thất nghiệp có nhiều khó khăn hơn so với các chế độ bảo hiểm xã hội khác, đặc biệt là ở Việt Nam khi mà ranh giới giữa người có việc làm và không có việc làm, có thu nhập và không có thu nhập là

không rõ ràng , nên các điều kiện được hưởng trợ cấp thất nghiệp cần phải được quy định chặt chẽ , rõ ràng. Pháp luật hầu hết các nước đều quy định rõ các điều kiện để được hưởng trợ cấp thất nghiệp trong một văn bản quy phạm pháp luật ở cấp chính phủ , nhằm tránh sự lợi dụng của những đối tượng lười lao động nhưng lại muốn hưởng thụ , đồng thời giúp các cơ quan nhà nước quản lý đúng các đối tượng thất nghiệp , đảm bảo việc chi trả trợ cấp nhanh chóng.

Ở Việt Nam , theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo hiểm xã hội ; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 sửa đổi , bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2010 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP, người lao động bị thất nghiệp được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi đáp ứng đủ bốn điều kiện sau:

Thứ nhất, người lao động đang đóng bảo hiểm bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

Người lao động đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hiểu là người có tháng liền kề trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã đóng bảo hiểm thất nghiệp . Tháng liền kề bao gồm cả thời gian sau:

+ Người lao động có các tháng liền kề trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc nghỉ việc hưởng chế độ thai sản hoặc ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên không hưởng tiền lương, tiền công tại đơn vị mà hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.

+ Người lao động có các tháng liền kề trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc tạm hoãn thực hiện hợp

đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã giao kết theo quy định của pháp luật không hưởng tiền lương, tiền công tháng tại đơn vị.

Như vậy, những trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật, bị xử lý kỉ luật theo hình thức sa thải hoặc buộc thôi việc theo quy định của pháp luật hoặc bị kết án tù giam theo quyết định của Tòa án, chết hoặc mất tích theo tuyên bố của Tòa án sẽ không được hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Quy định như trên sẽ giúp cho người lao động không thể ỷ lại vào bảo hiểm thất nghiệp mà phải nghiêm túc đối với công việc mà mình đang có.

Thứ hai, người thất nghiệp phải tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi thất nghiệp.

Người lao động muốn hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp phải có nghĩa vụ tham gia đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp trong một khoảng thời gian tối thiểu trước khi bị mất việc làm. Quy định này nhằm mục đích đảm bảo hài hòa yếu tố kinh tế và yếu tố xã hội trong bảo hiểm thất nghiệp. Nếu người lao động chưa có sự đóng góp đáng kể vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp mà đã được nhận trợ cấp, sẽ gây ra gánh nặng tài chính cho quỹ và việc thực hiện bảo hiểm thất nghiệp như vậy trong thời gian dài là không thể. Đây cũng là một biện pháp nhằm hạn chế sự lạm dụng của người lao động, tránh trường hợp người lao động cố tình mất việc làm để được hưởng trợ cấp.

Khoảng thời gian đóng góp trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp dài hay ngắn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, thời hạn này là đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi thất nghiệp, và tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động được tính nếu người sử dụng lao động và người lao động đã đóng bảo hiểm thất nghiệp, người lao động đã thực hiện hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc ít nhất 01 ngày trong tháng đó.

Đối với điều kiện thực tế ở nước ta thì thời hạn này có phần quá chặt chẽ, cứng nhắc. Thực tế cho thấy có rất nhiều người lao động trong vòng 24 tháng trước khi bị mất việc làm mới chỉ đóng được 11 tháng bảo hiểm thất nghiệp nên không được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, khiến cho họ gặp phải rất nhiều khó khăn để duy trì cuộc sống.

Thứ ba, người lao động phải đăng ký thất nghiệp với Trung tâm giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi mất việc làm, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Đăng ký thất nghiệp với tổ chức bảo hiểm xã hội là một thủ tục bắt buộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý lao động theo dõi, quản lý, kiểm soát số người thất nghiệp để chi trả đúng đối tượng. Đây cũng là điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm thất nghiệp có số liệu và thông tin về mức độ thất nghiệp, loại kỹ năng tay nghề mà người lao động đang có hoặc đang thiếu để có thể giới thiệu việc làm hoặc đào tạo bổ túc cho người lao động.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH thì trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày người lao động bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, nếu người lao động chưa có việc làm mà có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động phải trực tiếp đến Trung tâm Giới thiệu việc làm nơi đã làm việc trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc để đăng ký thất nghiệp. Trường hợp người lao động có nhu cầu đăng ký thất nghiệp tại Trung tâm Giới thiệu việc làm không phải là nơi đã làm việc trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc thì khi đăng ký thất nghiệp phải có xác nhận về việc chưa đăng ký thất

nghiệp của Trung tâm Giới thiệu việc làm nơi đã làm việc trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Nhờ có quy định này mà trong những năm qua công tác quản lý và thống kê số lượng người lao động thất nghiệp ở nước ta đã trở nên dễ dàng và chính xác hơn rất nhiều, góp phần giúp đỡ không nhỏ trong việc hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có các chính sách về vấn đề việc làm và thất nghiệp. Mặc dù vậy, do công tác quản lý còn yếu kém, việc đăng ký thất nghiệp mới chỉ mang tính chất chủ động thông báo từ phía người lao động mà chưa có cơ chế kiểm tra, xác thực của cơ quan nhà nước nên sự thống kê này vẫn còn chỉ mang tính tương đối, nhiều trường hợp người lao động tuy bị mất việc làm nhưng vẫn còn có nguồn thu nhập khác vẫn đến đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Thứ tư, người lao động chưa tìm được việc làm sau 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký thất nghiệp với Trung tâm giới thiệu việc làm. Ngày thứ nhất trong 15 ngày nêu trên là ngày ngay sau ngày người lao động đăng ký thất nghiệp, tính theo ngày làm việc, tức là từ ngày thứ hai đến hết ngày thứ sáu hàng tuần.

Cũng giống như quy định về thời gian tạm chờ chưa được hưởng bảo hiểm thất nghiệp của một số quốc gia trên thế giới, quy định này giúp cho quỹ bảo hiểm tiết kiệm tài chính đối với những trường hợp thất nghiệp ngắn ngày, đơn giản hóa khâu quản lý người thất nghiệp. Đây cũng là một khoảng thời gian hợp lý để người lao động có thể tìm được việc làm mới, và để tránh trường hợp người lao động không chịu tìm kiếm việc làm, pháp luật cũng có quy định nếu người lao động từ chối quá 2 lần đối với việc làm do cơ quan lao động giới thiệu, thì cũng không được hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp.

Trên thực tế, quy định này chưa phát huy được hiệu quả của nó một cách triệt để, có không ít người lao động mặc dù đã tìm được việc làm mới nhưng

lại không thông báo ngay cho cơ quan lao động, nhằm trục lợi từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Điều này xuất phát từ việc chúng ta chưa có cơ chế quản lý chặt chẽ đối với tình trạng việc làm của người lao động, mà phụ thuộc hoàn toàn vào sự chủ động thông báo từ phía họ.

Mặt khác, quy định này cùng với quy định về thời điểm tính hưởng bảo hiểm thất nghiệp còn tạo ra bất cập không phù hợp với thực tiễn, cụ thể: khoản 3 Điều 15 nghị định số 127/2008/NĐ-CP quy định: “chưa tìm được việc làm sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng ký với cơ quan lao động theo quy định”, trong khi đó khoản 3 Điều 3 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH lại quy định: “Thời điểm tính hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp tính từ ngày thứ mười sáu và tính theo ngày làm việc kể từ ngày đăng ký thất nghiệp theo quy định”. Như vậy, để đảm bảo đúng quy định về thời điểm người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày thứ 16 kể từ ngày đăng ký thất nghiệp theo quy định trên thì quyết định trợ cấp thất nghiệp cho người lao động phải được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký từ trước ngày thứ 16, tức là quy định về việc “chưa tìm được việc làm sau mười lăm ngày” như trên là không thể đảm bảo được trên thực tiễn.

2.1.3. Về các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Luật Bảo hiểm xã hội thì bảo hiểm thất nghiệp bao gồm các chế độ sau đây:

a) Trợ cấp thất nghiệp

Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP quy định: “Trợ cấp thất nghiệp là khoản tiền hàng tháng được trả cho người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi bị thất nghiệp có đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp”.

* Mức trợ cấp cho người lao động bị thất nghiệp

Mức trợ cấp thất nghiệp là tỷ lệ phần trăm số tiền người thất nghiệp được hưởng từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp so với mức thu nhập của người đó trước khi bị thất nghiệp. Ở các quốc gia khác nhau tỷ lệ này là không đồng nhất, nhìn chung phụ thuộc vào tỷ lệ đóng bảo hiểm thất nghiệp, và về nguyên tắc trợ cấp thất nghiệp phải thấp hơn thu nhập thực tế của người lao động khi đang làm việc.

Ở nước ta, mức trợ cấp thất nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH như sau:

“Mức trợ cấp thất nghiệp hàng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của sáu tháng liền kề trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

Trường hợp những tháng cuối cùng trước khi thất nghiệp, người lao động có thời gian gián đoạn đóng bảo hiểm thất nghiệp thì sáu tháng liền kề để tính mức trợ cấp thất nghiệp là bình quân của sáu tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi người lao động mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật”.

* Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp

Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động trước hết phụ thuộc vào thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp, khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm thất nghiệp và tình hình phát triển của thị trường lao động, tức là thời gian cần thiết trung bình để người thất nghiệp tìm được việc làm mới. Việc quy định thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp phải vừa đảm bảo được tính trợ giúp người lao động có được cuộc sống tối thiểu trong thời gian thất nghiệp, vừa phải kích thích người lao động đi tìm việc làm mới.

Theo pháp luật Việt Nam hiện hành thì “thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng phụ thuộc vào thời gian làm việc có đóng bảo hiểm thất

nghịệp của người lao động và tổng thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Bảo hiểm xã hội” (Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP). Cụ thể thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH như sau:

- 03 tháng, nếu có từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp;

- 06 tháng, nếu có từ đủ 36 tháng đến dưới 72 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp;

- 09 tháng, nếu có từ đủ 72 tháng đến dưới 144 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp;

- 12 tháng, nếu có từ đủ 144 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp trở lên.

Việc quy định thời gian hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp như trên đang gây bức xúc cho người lao động, đó là việc quy định một khoảng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp dài cùng được hưởng một thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp như nhau. Ví dụ: người lao động bị mất việc làm đã đóng đủ 12 tháng và người đã đóng đủ 35 tháng đều chỉ được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 3 tháng, trong khi nếu họ đã đóng đủ 36 tháng lại có thể hưởng đến 6 tháng trợ cấp.

* Hồ sơ và thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Để được hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, người lao động phải nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH, gồm có:

- Đơn đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo mẫu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định;

- Bản sao hợp đồng lao động , hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động , hợp đồng làm việc , quyết định thôi việc hoặc xác nhận của đơn vị cuối cùng trước khi thất nghiệp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc đúng pháp luật.

- Đồng thời, người lao động phải xuất trình Sổ Bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp hoặc bản xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Cũng theo các quy định này, người lao động bị thất nghiệp phải trực tiếp nộp đủ hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp . Trung tâm Giới thiệu việc làm chỉ nhận hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi đã đầy đủ các giấy tờ theo quy định, sau khi nhận hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp phải trao lại cho người lao động phiếu hẹn trả lời kết quả theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Những trường hợp người lao động không phải trực tiếp nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp bao gồm :

+ Ốm đau, thai sản có giấy xác nhận của Bệnh viện cấp huyện hoặc cấp tương đương trở lên;

+ Bị tai nạn có giấy xác nhận của Bệnh viện cấp huyện hoặc cấp tương đương trở lên hoặc xác nhận của cảnh sát giao thông đối với trường hợp bị tai nạn giao thông;

+ Do thiên tai, dịch họa có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đơn đề nghị của người lao động.

Việc giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp cũng đ ược quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH như sau:

- Cơ quan lao động có trách nhiệm giải quyết hồ sơ trong thời hạn 20 ngày tính theo ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với những hồ sơ không đủ điều kiện được hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, Trung tâm giới thiệu việc làm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đăng ký theo mẫu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.

- Đối với những hồ sơ đủ điều kiện hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, gửi một bản đến Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp, một bản lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; một bản gửi Trung tâm Giới thiệu việc làm để thực hiện việc tư vấn, giới thiệu việc làm và theo dõi việc tìm kiếm việc làm của người thất nghiệp, một bản trao trực tiếp tại Trung tâm Giới thiệu việc làm cho người lao động để thực hiện.

Có thể thấy quy định về thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp hiện nay vẫn còn phức tạp, đặc biệt là đối với yêu cầu phải có xác nhận của đơn vị cuối cùng trước khi thất nghiệp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật. Thông thường trên thực tế khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì về tâm lý, người sử dụng lao động cũng không dễ dàng chấp nhận vì họ cho rằng người lao động đã vi phạm hợp đồng, mà pháp luật lại không có quy định nào về trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc xác nhận này nên họ nên thường gây khó dễ cho người lao động, gây ảnh hưởng tới việc đảm bảo thời hạn nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.

* Chuyển hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH có quy định trường hợp người lao động có nhu cầu chuyển đến tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương khác mà muốn tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp thì phải làm đơn đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp theo mẫu và gửi Trung tâm Giới thiệu việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. Cơ quan này có trách nhiệm giới thiệu chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đề nghị của người lao động và thông báo bằng văn bản với Bảo hiểm xã hội tỉnh về việc chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động đó.

Trong thời hạn 10 ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày người lao động nhận giấy giới thiệu chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động phải nộp giấy giới thiệu chuyển hưởng và các giấy tờ nêu trên đến Trung tâm Giới thiệu việc làm nơi chuyển đến để Trung tâm Giới thiệu việc làm đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh tiếp tục thực hiện việc chi trả trợ cấp thất nghiệp (kèm theo bản sao quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp) và thực hiện các chế độ đối với người lao động theo quy định.

Quy định này là rất phù hợp với thực tế xã hội ở nước ta đó là những người lao động từ các tỉnh nhỏ thường chuyển tới các thành phố lớn, nơi có nhu cầu việc làm cao hơn, để tìm kiếm việc làm. Việc chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp sẽ giúp cho người lao động có điều kiện thuận lợi hơn trong thời gian đầu mới chuyển tới nơi ở mới, giúp họ có khả năng tìm kiếm việc làm nhanh hơn.

* Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp

Theo quy định tại Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 22 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP thì người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng sẽ bị tạm dừng hưởng trợ cấp trong các trường hợp sau:

- Người lao động không thông báo hàng tháng với cơ quan lao động về việc tìm kiếm việc làm.

Hàng tháng thông báo với cơ quan lao động về việc tìm việc làm trong thời gian đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là một trong những cơ sở quan trọng

để cơ quan lao động có thể nắm được tình hình việc làm của người lao động từ đó có chính sách cụ thể khác nhau tùy theo tình trạng của họ. Do đó, khi người lao động không thực hiện việc thông báo hàng tháng về kết quả tự tìm kiếm việc làm của mình, cơ quan lao động sẽ phải tạm dừng việc chi trả trợ cấp để tránh tình trạng người lao động đã có việc làm nhưng lại không thông báo để được tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Người lao động sẽ được tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp vào tháng tiếp theo nếu họ tiếp tục thực hiện việc thông báo và thời gian hưởng trợ cấp của họ vẫn còn theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP.

Quy định về việc thông báo với cơ quan lao động về việc tìm việc làm có ý nghĩa rất tích cực trong việc quản lý tình hình lao động và việc làm, tuy nhiên trong thời gian qua quy định này lại chưa phát huy được hết ý nghĩa của nó. Việc quy định trách nhiệm thông báo hàng tháng với cơ quan lao động của người lao động một cách chung chung, không có cơ chế kiểm tra, giám sát tính trung thực của việc thông báo mà hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện của người lao động đã khiến cho việc thông báo này không phát huy được hết tác dụng.

- Người lao động bị tạm giam.

Mục đích của trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là nhằm bảo đảm cho người thất nghiệp có được cuộc sống tối thiểu khi bị mất việc làm. Tuy nhiên khi người lao động bị tạm giam thì cuộc sống của họ đã được nhà nước bảo đảm, do đó việc chi trả trợ cấp thất nghiệp cho họ không còn cần thiết nữa. Và cũng giống như trường hợp trên, người lao động bị tạm giam nếu sau thời hạn bị tạm giam mà vẫn còn thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp thì sẽ tiếp tục được hưởng trợ cấp thất nghiệp vào tháng tiếp theo.

* Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

Việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động được quy định cụ thể tại Điều 87 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 23 Nghị định 127/2008/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH như sau:

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp trong các trường hợp:

- Hết thời hạn hưởng theo quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- Có việc làm.

Người lao động được xác định là có việc làm thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Đã giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc (kể cả thời gian thử việc có hưởng lương) từ đủ 3 tháng trở lên. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực theo quy định của pháp luật;

+ Có quyết định tuyển dụng đối với những trường hợp không thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Ngày có việc làm trong trường hợp này được xác định là ngày bắt đầu làm việc của người đó ghi trong quyết định tuyển dụng;

+ Chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền cấp: Đối với ngành nghề kinh doanh không điều kiện: ngày có việc làm đối với chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là ngày ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Đối với ngành nghề chỉ kinh doanh các ngành nghề có điều kiện: ngày có việc làm đối với chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là ngày đáp ứng đủ các điều kiện để hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện nghĩa vụ quân sự. Ngày mà người lao động được xác định thực hiện nghĩa vụ quân sự là ngày người lao động nhập ngũ.

- Được hưởng lương hưu hàng tháng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Ngày mà người lao động được xác định nghỉ hưu là ngày bắt đầu tính hưởng lương hưu được ghi trong Quyết định hưởng lương hưu hàng tháng.

- Sau hai lần từ chối nhận việc làm do Trung tâm Giới thiệu việc làm giới thiệu mà không có lý do chính đáng.

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp từ chối nhận việc làm thuộc một trong các trường hợp sau, được xác định là không có lý do chính đáng:

+ Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp từ chối nhận việc làm mà việc làm đó người lao động đã được đào tạo;

- Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp từ chối những việc làm mà người lao động đó đã từng thực hiện;

- Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là lao động phổ thông từ chối những việc làm chỉ cần lao động phổ thông thực hiện.

- Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, ba tháng liên tục không thực hiện thông báo hàng tháng về việc tìm kiếm việc làm với Trung tâm Giới thiệu việc làm theo quy định.

- Ra nước ngoài để định cư. Ngày mà người lao động được xác định ra nước ngoài định cư là ngày xóa đăng ký thường trú của người lao động theo quy định của pháp luật về cư trú.

- Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh (kể cả trường hợp đi cai nghiện tại các Trung tâm cai nghiện) hoặc chấp hành hình phạt tù nhưng không được hưởng án treo.

- Bị chết.

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp trong tất cả các trường hợp nêu trên vào những ngày của tháng đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động vẫn được hưởng trợ cấp thất nghiệp của cả tháng đó.

Việc quy định các trường hợp chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp là nhằm đảm bảo mục đích của bảo hiểm thất nghiệp nhằm duy trì cuộc sống tối thiểu cho người lao động trong thời gian họ bị mất việc làm, đảm bảo khả năng tài chính của quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, trong bối cảnh pháp luật hiện đang đưa ra quy định về hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần thì việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động ra nước ngoài để định cư lại gây ra sự bất bình đẳng giữa người lao động tìm được việc làm mới trong nước với người lao động ra nước ngoài định cư, khiến cho quyền tự do đi lại của công dân không còn được nguyên vẹn.

* Hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần

Trong số các trường hợp quy định bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp nêu trên, thì có hai trường hợp được hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần, tương ứng với số tiền trợ cấp còn lại mà người lao động sẽ được hưởng, đó là:

- Người lao động đã tìm được việc làm mới.

Quy định này nhằm mục đích khuyến khích người lao động sau khi bị thất nghiệp tích cực đi tìm việc làm mới, tuy nhiên nó lại dẫn đến nhiều bất cập khi mà người lao động có tư tưởng trục lợi bảo hiểm thất nghiệp. Thực tế cho thấy trong những năm gần đây đã có không ít các trường hợp người lao động và người sử dụng lao động cùng bắt tay để trục lợi quỹ bảo hiểm thất nghiệp bằng cách người sử dụng lao động đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, và sau khi người lao động nhận được bảo hiểm thất nghiệp lại quay lại ký kết hợp đồng lao động như cũ. Ngoài ra, cũng có trường hợp người lao động mặc dù chưa tìm được việc làm mới nhưng vẫn

thông báo với cơ quan lao động là đã tìm được việc làm để được hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần vừa nhanh chóng vừa không mất thời gian thông báo tìm việc làm tại Trung tâm giới thiệu việc làm.

- Người lao động thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Thực hiện nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ thiêng liêng, cao quý của công dân Việt Nam. Khi người lao động thực hiện nghĩa vụ quân sự tức là họ đã cống hiến, đóng góp công sức vì sự nghiệp của Tổ quốc. Do đó, mặc dù trong thời gian này người lao động cũng được nhà nước bảo đảm cuộc sống, nhưng họ vẫn được nhận trợ cấp thất nghiệp một lần.

b) Hỗ trợ học nghề

Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp là do chất lượng lao động thấp, trình độ tay nghề và cơ cấu nghề nghiệp của lực lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại. Do đó để có thể thực hiện được mục tiêu đưa người lao động thất nghiệp trở lại thị trường lao động, bảo hiểm thất nghiệp cần phải có hoạt động đào tạo nghề hoặc nâng cao tay nghề cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện hỗ trợ học nghề cho người lao động

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP thì “Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ học nghề cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp do cơ quan lao động thực hiện thông qua các cơ sở dạy nghề”.

Để được học nghề, người lao động phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chi tiết về việc hỗ trợ học nghề như sau: “Trong thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định, nếu người lao động có nhu cầu học nghề thì phải làm đơn đề nghị hỗ trợ học nghề. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định hỗ trợ học nghề trong thời hạn 15 ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hỗ trợ học nghề của người lao động”.

Ngoài ra , khoản 4 Điều 3 Quyết định số 55/2013/QĐ-TTg ngày 03/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp cũng có quy định: “không hỗ trợ bằng tiền để người lao động tự học nghề” nhằm hạn chế những trường hợp người lao động không học nghề để nâng cao trình độ nghiệp vụ mà sử dụng tiền hỗ trợ vào mục đích khác.

- Mức hỗ trợ học nghề

Mức hỗ trợ học nghề cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 55/2013/QĐ-TTg như sau: hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học đối với người tham gia các khóa học nghề dài không quá 03 tháng và 600.000 đồng/người/tháng đối với người tham gia các khóa học nghề trên 03 tháng; mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, tùy theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế. Đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tham gia học nghề có mức chi phí học nghề cao hơn mức hỗ trợ học nghề theo quy định trên thì phần vượt quá mức hỗ trợ học nghề do người lao động tự chi trả.

- Thời gian hỗ trợ học nghề

Theo khoản 3 Điều 3 Quyết định số 55/2013/QĐ-TTg, thời gian được hỗ trợ học nghề phụ thuộc vào thời gian đào tạo của từng nghề và nhu cầu đào tạo của từng người lao động , nhưng không quá 06 tháng. Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH cũng có quy định thời gian bắt đầu để được hỗ trợ học nghề tính từ ngày người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng. Trường hợp người lao động đã hưởng hết thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định mà vẫn tiếp tục học nghề hoặc chuẩn bị tham gia học nghề theo quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thì vẫn được hỗ trợ học nghề cho đến hết thời gian học nghề.

Từ khi các quy định về bảo hiểm thất nghiệp có hiệu lực tới nay, các quy định về hỗ trợ học nghề đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho người lao động bị thất nghiệp được đào tạo về cả kiến thức và kỹ năng, nâng cao trình độ và tay nghề để họ có khả năng cạnh tranh trên thị trường việc làm ngày càng trở nên khốc liệt. Tuy nhiên, các quy định về hỗ trợ học nghề hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức hỗ trợ cho những người lao động đã bị mất việc làm, tức là sau khi có thất nghiệp mới hỗ trợ, mà chưa có các biện pháp phòng ngừa từ trước khi xảy ra thất nghiệp, khiến cho công tác giảm thiểu tình trạng thất nghiệp chưa thực sự đạt hiệu quả cao.

c) Hỗ trợ tìm kiếm việc làm

Theo quy định tại Điều 84 Luật Bảo hiểm xã hội thì người lao động trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp còn được hỗ trợ tìm kiếm việc làm bằng hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí. Cũng giống như hỗ trợ đào tạo nghề, đây là một trong các biện pháp giúp người thất nghiệp nhanh chóng hòa nhập với thị trường lao động.

- Tổ chức thực hiện hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người lao động

Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 127/2008/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH thì hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm được thực hiện qua Trung tâm giới thiệu việc làm với kinh phí do quỹ bảo hiểm thất nghiệp chi trả.

Trung tâm giới thiệu việc làm có nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động trong thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp và phải phù hợp với trình độ đào tạo và kinh nghiệm của người lao động. Quy định này giúp cho người lao động tìm được việc làm và người sử dụng lao động tuyển được nhân công thích hợp, góp phần giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong xã hội.

- Thời gian hỗ trợ tư vấn tìm việc làm

Thời gian người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được Trung tâm Giới thiệu việc làm hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm tính từ ngày người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng và không quá tổng thời gian mà người lao động đó được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (khoản 2 Điều 5 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH).

Các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm có ý nghĩa hết sức thiết thực đối với người lao động không may bị mất việc làm, nhờ đó mà họ có niềm tin và động lực cũng như khả năng cao hơn trong việc tìm kiếm một công việc tiếp theo. Các quy định này của pháp luật Việt Nam trên thực tế đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc giải quyết tình trạng thất nghiệp ở nước ta, theo đó, số lượng người thất nghiệp được tư vấn giới thiệu việc làm cũng như người tìm được việc làm mới thông qua tư vấn ngày càng tăng cao.

2.1.4. Về quỹ bảo hiểm thất nghiệp

a) Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định tại Điều 102 Luật Bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta được hình thành từ những nguồn sau:

- Nguồn đóng góp từ ngân sách Nhà nước:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP thì hàng tháng, Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và mỗi năm chuyển một lần. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, sự tham gia của Nhà nước trong việc hình thành nên quỹ bảo hiểm thất nghiệp là cần thiết, nhưng sự tham gia này chỉ mang tính hỗ trợ. Việc quy định mức hỗ trợ của Nhà nước bằng với mức đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động là không hợp lý. Trong tương lai cần giảm mức hỗ trợ này khi bảo hiểm thất nghiệp đã dần đi vào ổn định, có như vậy mới bảo đảm được vai trò hỗ

trợ của Nhà nước và tính công bằng khi đặt trong mối tương quan chung về nghĩa vụ đóng góp của các chế độ bảo hiểm xã hội khác.

- Nguồn đóng góp từ người sử dụng lao động:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH thì hàng tháng, người sử dụng lao động đóng mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Mức đóng góp 1% là mức đóng thấp so với hầu hết các quốc gia trên thế giới, do đó trong những giai đoạn tiếp theo cần có sự điều chỉnh tăng mức đóng góp này, đặc biệt là khi mức hỗ trợ của Nhà nước cũng được quy định giảm dần.

- Nguồn đóng góp từ người lao động:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH thì sự đóng góp của người lao động vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện như sau:

Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp là tiền lương theo ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung tại thời điểm đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp là tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Người lao động có mức tiền lương, tiền công tháng cao hơn hai mươi tháng lương tối thiểu chung thì mức tiền lương, tiền công tháng đóng bảo

hiểm thất nghiệp bằng hai mươi tháng lương tối thiểu chung. Khi mức lương tối thiểu chung được điều chỉnh thì mức tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp cũng sẽ thay đổi theo quy định trên.

Việc quy định căn cứ đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp dựa trên mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc là chưa thực sự phù hợp, bởi trên thực tế ở nước ta, người lao động có mức thu nhập thực tế cao hơn rất nhiều so với mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng. Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng nó lại gây ra thất thoát nguồn thu quỹ bảo hiểm thất nghiệp và không đảm bảo được quyền lợi của người lao động.

Mức đóng của người lao động là 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp và mức này cũng là thấp hơn rất nhiều so với quy định của các quốc gia khác, đặc biệt là các nước có nền kinh tế phát triển. Do đó, mức đóng của người lao động cũng cần được tăng thêm trong thời gian tới.

b) Quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp không chỉ bao gồm khoản trợ cấp thất nghiệp cho người lao động để họ vượt qua khó khăn về tài chính trong thời gian bị mất việc làm mà còn phải giúp cho người lao động nhanh chóng quay lại với thị trường lao động. Do đó, Điều 103 Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 28 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP đã quy định quỹ bảo hiểm thất nghiệp được sử dụng cho các mục đích sau:

- Chi trả trợ cấp thất nghiệp;
- Chi cho các hoạt động hỗ trợ học nghề cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng;
- Chi cho các hoạt động hỗ trợ tìm việc làm cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng;

- Đóng bảo hiểm y tế cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng;

- Chi phí cho hệ thống tổ chức quản lý bảo hiểm thất nghiệp;

- Chi đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ theo quy định.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp phải được quản lý thống nhất, dân chủ, công khai, minh bạch, được sử dụng đúng mục đích từ trung ương đến địa phương theo chế độ tài chính của Nhà nước, hạch toán độc lập và được Nhà nước bảo hộ. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp độc lập với ngân sách Nhà nước để chủ động giải quyết vấn đề thất nghiệp. Hoạt động của quỹ bảo hiểm thất nghiệp là độc lập, tự thu, tự chi và có sự hỗ trợ một phần của Nhà nước. Không được tùy tiện sử dụng quỹ này để giải quyết các vấn đề xã hội khác.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện các biện pháp để bảo tồn giá trị và tăng trưởng phù hợp với các quy định của Nhà nước. Hoạt động đầu tư từ quỹ phải bảo đảm an toàn, bảo toàn được giá trị, có hiệu quả về kinh tế - xã hội và thu hồi được khi cần thiết. Theo quy định tại Điều 31 Nghị định 127/2008/NĐ-CP, quỹ bảo hiểm thất nghiệp được đầu tư theo các hình thức sau:

- Mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của Nhà nước, của các ngân hàng thương mại của Nhà nước;

- Cho các ngân hàng thương mại của Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng chính sách vay;

- Các hình thức đầu tư khác do Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội quyết định.

Việc quy định cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện các hoạt động đầu tư là hết sức cần thiết nhằm tăng cường khả năng tài chính cho quỹ, đáp ứng được nhu cầu sử dụng, đặc biệt là trong bối cảnh quỹ còn non trẻ, chưa đủ tiềm lực để có thể tự chi trả cho các chế độ bảo hiểm thất nghiệp mà

vẫn cần tới sự hỗ trợ của Nhà nước. Thực tế trong những năm qua, hoạt động đầu tư đã mang về nguồn thu đáng kể cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp nước ta. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng hoạt động đầu tư có thể sinh lời thì cũng có thể gây ra tổn thất. Mặc dù đã có quy định rằng hoạt động đầu tư của quỹ bảo hiểm phải đảm bảo an toàn, hiệu quả và có thể thu hồi được khi cần thiết, nhưng lại chưa có chế tài đi kèm với quy định đó trong trường hợp việc sử dụng quỹ không hiệu quả gây tổn thất tài chính cho quỹ.

2.2. Thực tiễn thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Những kết quả đạt được trong thời gian thực hiện bảo hiểm thất nghiệp từ 2009 đến nay

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp ra đời và có hiệu lực từ ngày 01/1/2009, sau 5 năm thực hiện cũng đã đạt được những thành quả nhất định:

Thứ nhất, chính sách bảo hiểm thất nghiệp đã đi vào cuộc sống, góp phần hỗ trợ người lao động và gia đình họ vượt qua khó khăn, tìm kiếm việc làm mới, ổn định cuộc sống. Đây cũng chính là mục tiêu mà bảo hiểm thất nghiệp hướng tới.

Thứ hai, số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp liên tục tăng qua các năm:

Bảng 2.1: Số lượng người tham gia và tổng số thu bảo hiểm thất nghiệp

Năm	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (triệu người)	Tổng số thu bảo hiểm thất nghiệp (triệu đồng)
2009	5,993	3.510.651
2010	7,206	5.400.300
2011	7,931	5.730.300
2012	8,304	8.339.310

(Nguồn: Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam các năm 2009, 2010, 2011, 2012)

Qua bảng thống kê số liệu trên có thể thấy mức tăng cả về số lượng người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và tổng số thu bảo hiểm thất nghiệp qua từng năm thực hiện như sau:

- Năm 2009 có 5,993 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tổng số thu là 3.510,651 tỷ đồng;

- Năm 2010 số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên 7,2 triệu người tăng 20,2% so với năm 2009, tổng số thu khoảng 5.400,3 tỷ đồng tăng 53,8% so với năm 2009;

- Năm 2011, cả nước có 7,9 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tăng 10,1% so với năm 2010, chiếm 78,7% so với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc với số thu là 5.730,3 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2010. Mức tăng này là không nhiều so với mức tăng từ năm 2009 đến năm 2010, cho thấy hoạt động phát triển bảo hiểm thất nghiệp trong năm 2011 chưa thực sự tốt.

- Năm 2012 có trên 8 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tăng 4,7% so với năm 2011. Số thu bảo hiểm thất nghiệp là 8.339,31 tỷ đồng tăng 45,5% so với năm 2011. Trong năm này số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp tăng không nhiều nhưng tổng thu lại tăng rất cao, nguyên nhân chủ yếu do mức lương tối thiểu chung tăng lên 1.050.000 đồng kể từ ngày 01/5/2012, dẫn đến tiền lương, tiền công của người lao động cũng tăng lên.

Sự gia tăng của số lượng người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và tổng số thu bảo hiểm thất nghiệp đã thể hiện được thành công đáng ghi nhận của nước ta qua 5 năm thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Thứ ba, số người đăng ký thất nghiệp những năm gần đây tăng nhanh (năm 2011 tăng 77% so với năm 2010, năm 2012 tăng 43% so với năm 2011) và tập trung ở các tỉnh, thành phố lớn, kinh tế phát triển, có nhiều khu công

ng nghiệp, khu chế xuất như: Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 31,4%); tỉnh Bình Dương (chiếm 19,9%); tỉnh Đồng Nai (chiếm 8,9%) [32] ...

Thứ tư, số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp so với số người đăng ký thất nghiệp cũng ngày một tăng lên, cụ thể:

Bảng 2.2: Tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

Tiêu chí	Năm 2010 (người)	Năm 2011 (người)	Năm 2012 (người)
Số người đăng ký thất nghiệp	189.611	335.901	482.128
Số người thất nghiệp đã có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	156.765	291.302	421.048
Số người chuyển nơi hưởng bảo hiểm thất nghiệp	26.666	56.797	91.066
Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm	125.562	217.721	342.145
Số người được hỗ trợ học nghề	270	1.037	4.776

(Nguồn: Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam các năm 2010, 2011, 2012)

Nếu như năm 2010 số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp chỉ chiếm 82% so với số người đăng ký thất nghiệp thì năm 2011 tỷ lệ này đã tăng lên 86,7% và năm 2012 là 87,3%.

Thứ năm, số người có nhu cầu học nghề cũng tăng qua từng năm triển khai thực hiện: Năm 2010, số người được hỗ trợ học nghề là 270 người, bằng 0,14% số người đăng ký thất nghiệp. Năm 2011, số người được hỗ trợ học nghề là 1.037 người, tăng gấp gần 4 lần năm 2010 và bằng 0,3% số người đăng ký thất nghiệp. Năm 2012, số người được hỗ trợ học nghề là 4.776 người, tăng gấp 4,6 lần năm 2011 và bằng 0,99% số người đăng ký thất nghiệp. (Bảng 2)

Thứ sáu, hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cũng đạt được nhiều kết quả khả quan: Các Trung tâm Giới thiệu việc làm đã tiếp nhận 482.128 người đăng ký thất nghiệp và giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với 421.048 người và tư vấn, giới thiệu việc làm cho 342.145 người thất nghiệp, chiếm 79,61% số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp [43].

Thứ bảy, chi bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện từ 01/1/2010 với nhiều hình thức (chi trả trực tiếp tại địa bàn xã, phường; chi trả qua cán bộ đại lý của xã; chi trả qua tài khoản ATM và qua đường bưu điện).

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, năm 2010 ngành bảo hiểm xã hội đã thực hiện chi gần 460 tỷ đồng cho các loại trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp; năm 2011 ước chi là 1.096,36 tỷ đồng, tăng so với năm 2010 là 138,7%, trong đó chi trợ cấp thất nghiệp hàng tháng với số tiền 1.068,9 tỷ đồng (số chưa quyết toán) [32]. Có thể thấy việc chi cho bảo hiểm thất nghiệp thời gian qua ngày càng tăng mạnh, nguồn chi bảo hiểm thất nghiệp đã trở thành một khoản chi mang tính chất đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ cho việc đẩy mạnh dân sinh, cũng như giúp người tham gia yên tâm lao động sản xuất, góp phần nâng cao đời sống xã hội.

Tuy mức chi rất lớn và tốc độ tăng cao, nhưng vẫn có thể đảm bảo cân đối quỹ và dự báo quỹ bảo hiểm thất nghiệp: theo tính toán đến cuối năm 2012 quỹ bảo hiểm thất nghiệp kết dư là 24.029,079 tỷ đồng. Như vậy, với các quy định về mức đóng, mức hưởng như hiện nay thì quỹ vẫn bảo đảm an toàn.

Thứ tám, trong năm 2013 với sự ra đời của Nghị định số 100/2012/NĐ-CP và Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH, chính sách bảo hiểm thất nghiệp đã có nhiều thay đổi như : thời hạn đăng ký thất nghiệp kéo dài đến 03 tháng (thay vì 07 ngày như trước đây); có hướng dẫn cụ thể hơn về cách tính tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động ; trình tự và thủ tục giải quyết

hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động cũng được quy định rõ ràng hơn...

2.2.2. Những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta hiện nay

Bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta vẫn còn là một chính sách mới, lần đầu áp dụng ở Việt Nam do đó trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn có nhiều vướng mắc, hạn chế ngay trong các quy định của pháp luật. Những điểm hạn chế này cần được nghiên cứu và tìm ra phương hướng sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của bảo hiểm thất nghiệp. Có thể thấy:

Một là, đối tượng áp dụng bảo hiểm thất nghiệp hiện nay còn tương đối hạn chế.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta hiện nay mới chỉ áp dụng đối với người lao động có giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và hợp đồng không xác định thời hạn tại đơn vị, người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên. Như vậy những người lao động có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc dưới 12 tháng, người lao động làm việc cho các đơn vị, người sử dụng lao động sử dụng dưới 10 người lao động, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài sẽ không được áp dụng bảo hiểm thất nghiệp, trong khi đây cũng là một nhóm đối tượng có nguy cơ bị mất việc làm cao hơn những người lao động khác bởi tính chất việc làm không ổn định.

Theo số liệu điều tra của Ngân hàng Thế giới, số doanh nghiệp ngoài quốc doanh sử dụng dưới 10 lao động chiếm tới 48% [12, tr48]. Như vậy, một số lượng lớn người lao động và doanh nghiệp ngoài quốc doanh không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Trong khi đó, đối tượng giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc ngắn hạn và doanh nghiệp sử dụng ít lao động là đối tượng dễ bị thất nghiệp nhất do tính chất không ổn định của

loại hình doanh nghiệp nhỏ và công việc theo thời vụ. Bên cạnh đó còn có những người lao động nông nghiệp cũng không được tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp, trong khi họ là một lực lượng đông đảo tham gia lao động sản xuất; hay những người có quốc tịch nước ngoài hoặc không có quốc tịch sang Việt Nam làm việc trong thời gian dài cũng không được đóng và hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp... Ngoài ra, cũng từ quy định này mà có không ít các doanh nghiệp cố tình khai giảm số lượng lao động xuống dưới 10 người để trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Do đó, việc mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp là một việc cần thiết để tạo ra sự bình đẳng cho mọi đối tượng người lao động và người sử dụng lao động, nhất là đối với các loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp quy mô nhỏ sử dụng dưới 10 lao động có tỷ lệ cao nhất trong các loại hình doanh nghiệp.

Nhận thức được điểm bất cập này, mới đây, Quốc hội đã ban hành Luật Việc làm số 38/2013/QH13, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015, theo đó các quy định về bảo hiểm thất nghiệp được đưa vào Luật này và đã có nhiều điểm mới tiến bộ hơn. Trong đó, Điều 43 Luật này đã mở rộng phạm vi đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả những người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có thời hạn dưới 12 tháng; người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng; người lao động và người sử dụng lao động trong các đơn vị có dưới 10 lao động.

Hai là, trong điều kiện hiện nay, nhận thức trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân của người lao động còn hạn chế, đặc biệt là trong điều kiện thị trường lao động có nhiều biến động, việc quy định số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp phụ thuộc vào nhóm thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp đã góp

phần khuyến khích người lao động “nhảy việc”, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc ổn định người lao động.

Ba là, vấn đề chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động để làm hồ sơ đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp cũng còn nhiều vướng mắc.

Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp chỉ giao cho người lao động quyết định thôi việc hoặc thỏa thuận (quyết định) chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc mà không thông báo cho người lao động kết quả xác nhận sổ bảo hiểm xã hội. Người lao động không biết được chính xác thời gian trả sổ bảo hiểm thất nghiệp, đặc biệt là đối với những trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc của người lao động. Bên cạnh đó, việc doanh nghiệp chậm chốt sổ bảo hiểm xã hội hay chốt sổ không đúng quy trình, nhầm lẫn thông tin của người lao động sau khi gửi lên cơ quan bảo hiểm xã hội đã bị trả lại để sửa đổi bổ sung cũng là hiện tượng phổ biến, gây ảnh hưởng đến thời điểm hưởng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động.

Bốn là, tình trạng nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp đang trở nên ngày càng nhức nhối.

Nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp của các doanh nghiệp hiện nay xảy ra rất phổ biến và đang có xu hướng ngày càng tăng. Trong 8 tháng đầu năm 2012, tổng số nợ bảo hiểm thất nghiệp cả nước lên tới 415,524 tỷ đồng; trong đó riêng đơn vị sử dụng lao động nợ tới 145,453 tỷ đồng. Theo Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, hiện có gần 20 nghìn doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nợ bảo hiểm xã hội với số tiền hơn 1.000 tỷ đồng. Trong đó, có khoảng 10.000 doanh nghiệp nợ từ ba tháng trở lên khó có khả năng trả nợ [44].

Đối với những trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn trong thời gian hoạt động đã không đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, hoặc doanh nghiệp nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp từ 3 tháng trở lên thì người lao động

không được chốt sổ bảo hiểm xã hội. Như vậy, hồ sơ xin hưởng bảo hiểm thất nghiệp sẽ không được duyệt cho dù hàng tháng người lao động vẫn bị trích một phần thu nhập để đóng bảo hiểm thất nghiệp thông qua người sử dụng lao động. Thực tế này đã và đang gây ra rất nhiều bức xúc cho người lao động và khiến cho bảo hiểm thất nghiệp không thực hiện được ý nghĩa của nó trong xã hội, nhưng vẫn chưa có quy định để tháo gỡ và xử lý.

Năm là, quy định căn cứ tính đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp dựa trên mức tiền lương, tiền công hàng tháng theo hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc dẫn tới nhiều bất cập. Trên thực tế, có không ít người lao động có mức thu nhập thực tế cao hơn rất nhiều so với mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm thất nghiệp của họ. Điều này có thể xuất phát từ mong muốn của người sử dụng lao động đó là giảm bớt chi phí từ việc đóng góp vào quỹ bảo hiểm. Tuy nhiên, cũng không loại trừ trường hợp người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận với nhau, bởi bản thân người lao động hiện nay cũng không có tâm lý muốn đóng bảo hiểm thất nghiệp. Sự bóc tách tiền lương, tiền công tạo ra khó khăn cho việc xác định căn cứ thu quỹ bảo hiểm thất nghiệp đối với các cơ quan chức năng, đồng thời gây thất thoát nguồn thu quỹ và không bảo đảm được quyền lợi của người lao động.

Sáu là, vấn đề quản lý người lao động thất nghiệp hiện nay còn nhiều điểm chưa hợp lý.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam về việc làm, bảo hiểm thất nghiệp thì chỉ những người thất nghiệp thuộc diện đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mới phải thực hiện nghĩa vụ thông báo về tình hình tìm kiếm việc làm mới. Còn đối với người lao động nói chung thì pháp luật hiện hành không có quy định nào về nghĩa vụ đăng ký lao động. Do đó nếu một người lao động cùng lúc có nhiều nguồn thu nhập thì khi bị mất một trong số những nguồn thu nhập đó, họ vẫn còn những nguồn thu khác. Thêm vào đó, cơ quan quản

lý nhà nước về lao động nói chung và các cơ quan thực hiện bảo hiểm thất nghiệp nói riêng cũng không có biện pháp kiểm soát tính trung thực trong khai báo về tình hình việc làm của người lao động.

Thực trạng này đã dẫn tới việc người lao động mặc dù không thật sự thất nghiệp (vẫn có thu nhập) nhưng vẫn đến đăng ký và hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Ngược lại, cũng có người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mặc dù chưa tìm được việc làm nhưng lại thông báo với cơ quan quản lý là đã có việc làm mới để được hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần vừa nhanh chóng vừa không mất thời gian để thông báo tìm việc tại Trung tâm giới thiệu việc làm. Tình trạng này không những gây ảnh hưởng tới hoạt động thống kê và quản lý người thất nghiệp, mà còn gây ra sự thụ động cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp và đe dọa tính bền vững của bảo hiểm thất nghiệp.

Bây là, chế độ hỗ trợ học nghề và hỗ trợ tìm việc làm chưa phát huy được hết tính tích cực của nó.

Năm 2010, số người được hỗ trợ học nghề là 270 người, bằng 0,17% số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng và 0,21% số người được tư vấn, giới thiệu việc làm.

Năm 2011, số người được hỗ trợ học nghề là 1.037 người, bằng 36% số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng và 0,04% số người được tư vấn, giới thiệu việc làm.

Năm 2012, số người được hỗ trợ học nghề là 4.776 người, bằng 1,13% số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng và 1,16% số người được tư vấn, giới thiệu việc làm.

(Nguồn: Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam các năm 2009, 2010, 2011, 2012)

Những số liệu trên cho thấy, mặc dù số lượng người được hỗ trợ học nghề tăng rất nhiều qua các năm nhưng kết quả của hoạt động này vẫn còn hết

sức khiêm tốn so với các hoạt động khác của bảo hiểm thất nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách hỗ trợ học nghề còn nhiều bất cập như mức hỗ trợ học nghề chưa cao, thời gian học nghề ngắn, đa phần người thất nghiệp là lao động phổ thông không quan tâm nhiều đến học nghề... Do đó, việc hỗ trợ học nghề chưa đi vào đời sống, công tác dự báo nhu cầu thị trường việc làm chưa tốt nên không định hướng, tư vấn nghề thỏa đáng cho người lao động. Tình trạng này cũng xuất phát từ việc số lượng người lao động đăng ký thất nghiệp quá lớn, trong khi lực lượng cán bộ, nhân viên tiếp nhận còn ít dẫn tới việc các cơ quan chức năng hiện nay mới chỉ tập trung giải quyết và chi trả trợ cấp thất nghiệp, còn hỗ trợ học nghề và tư vấn giới thiệu việc làm được thực hiện còn hạn chế. Bên cạnh đó, còn có các nguyên nhân như: bản thân người lao động cũng có tâm lý muốn tìm được việc làm mới ngay chứ không muốn mất thời gian đi học nghề; mức tiền hỗ trợ học nghề thấp và thời gian học không đủ...

Đối với chế độ hỗ trợ tìm việc làm, theo quy định hiện hành thì các hoạt động này được tiến hành miễn phí theo nhu cầu của người lao động, do đó chưa có sự chủ động của Trung tâm giới thiệu việc làm trong việc tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Cơ quan lao động mới chỉ tập trung giải quyết hỗ trợ người lao động bằng khoản tiền trợ cấp thất nghiệp mà chưa quan tâm đến việc giới thiệu việc làm mới. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, thông tin ở một số địa phương còn chậm, nghèo nàn, dẫn tới một bộ phận không nhỏ người lao động, người sử dụng lao động không nắm bắt được thông tin nên việc tham gia, áp dụng chính sách còn hạn chế.

Tóm lại, về chế độ áp dụng đối với người lao động cũng còn điểm chưa hợp lý. Người lao động khi tham gia bảo hiểm thất nghiệp nếu trong suốt thời gian tham gia đến khi nghỉ hưu hoặc bị chết mà không bị mất việc làm thì sẽ không được hưởng bất kỳ chế độ gì từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp, kể cả hỗ trợ

nâng cao kỹ năng nghề, dẫn tới người lao động có tâm lý bị mất tiền, thậm chí là số tiền không hề nhỏ sau mấy chục năm đóng bảo hiểm.

Hiện nay thì vấn đề này cũng đã được khắc phục trong quy định về bảo hiểm thất nghiệp của Luật Việc làm, theo đó bảo hiểm thất nghiệp không chỉ bao gồm các chế độ trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề mà còn có cả hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Chín là, việc quản lý quỹ bảo hiểm thất nghiệp vẫn còn rất nhiều lỗ hổng.

Qua 5 năm thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, tình trạng lợi dụng quỹ bảo hiểm liên tục diễn ra, điển hình là người lao động tự nguyện thất nghiệp để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Thực tế cho thấy có rất nhiều trường hợp người lao động sau khi đóng đủ 12 tháng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp thì tìm cách nghỉ việc tạm thời, sau đó đi đăng ký thất nghiệp để được hưởng trợ cấp thất nghiệp, và trong tháng đầu tiên nhận trợ cấp họ sẽ xin làm việc ở doanh nghiệp khác. Ở đây cũng không loại trừ trường hợp người lao động và người sử dụng lao động cùng bắt tay lợi dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, đó là họ cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc để người lao động được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, rồi sau đó người lao động lại quay trở về làm việc cho chính người sử dụng lao động đó.

Qua theo dõi tại các địa phương, tình trạng thất nghiệp giả này đang có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng đến quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, còn xuất hiện tình trạng mức tiền lương đóng bảo hiểm thất nghiệp trong 6 tháng cuối trước khi nghỉ việc của người lao động tăng cao bất thường (mức tối đa bằng 20 lần mức lương tối thiểu chung), sau đó nghỉ việc hưởng bảo hiểm thất nghiệp ở mức cao, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Cùng với sự ra đời của Luật Việc làm thì quy định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần cũng đã được bãi bỏ, thay vào đó người lao động sẽ được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần tiếp theo. Thời gian bảo lưu được tính bằng tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trừ đi thời gian đóng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp, theo nguyên tắc mỗi tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tương ứng 12 tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp. Việc bãi bỏ quy định về hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần và tính bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là một bước tiến vô cùng quan trọng, sẽ góp phần hạn chế đáng kể tình trạng trục lợi quỹ bảo hiểm thất nghiệp như hiện nay.

Mười là, các quy định về điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp cũng còn nhiều điểm chưa hợp lý:

Thứ nhất, hồ sơ đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động cần phải có xác nhận của người sử dụng lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật, dẫn tới việc người sử dụng lao động gây khó khăn đối với người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động như tác giả đã phân tích.

Thứ hai, quy định về thời gian đóng góp tối thiểu vào quỹ bảo hiểm trước khi bị mất việc làm có phần quá chặt chẽ, cứng nhắc. Thực tế cho thấy có rất nhiều người lao động trong vòng 24 tháng trước khi bị mất việc làm mới chỉ đóng được 11 tháng bảo hiểm thất nghiệp nên không được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, khiến cho họ gặp phải rất nhiều khó khăn để duy trì cuộc sống.

Thứ ba, việc đăng ký thất nghiệp chưa thực sự phát huy hết ý nghĩa của nó, khi mà vẫn còn những trường hợp người lao động tuy mất việc làm nhưng vẫn còn có nguồn thu nhập khác nên vẫn đến đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Thứ tư, sự trùng chéo trong quy định về thời điểm người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp và điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo khoản 3, Điều 15 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP đã tạo ra nhiều bất cập do không phù hợp với thực tiễn.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP Ở VIỆT NAM

3.1. Những yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp là một chính sách bảo hiểm xã hội mang ý nghĩa rất lớn, nó không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo đời sống cho cá nhân người thất nghiệp, tạo cơ hội cho họ quay trở lại với thị trường lao động mà còn góp phần quan trọng ổn định chính trị, xã hội, tạo nên sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Bảo hiểm thất nghiệp là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường, đòi hỏi mỗi quốc gia phải có các chính sách điều chỉnh. Do đó, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Thứ nhất, bảo hiểm thất nghiệp phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đảm bảo cuộc sống cho người lao động khi rơi vào thất nghiệp. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau mà mỗi nước có những quy định riêng về chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bởi chính sách bảo hiểm thất nghiệp có liên quan mật thiết tới các vấn đề tài chính, ngân sách nhà nước và an sinh xã hội. Nếu quy định chính sách bảo hiểm thất nghiệp quá lớn (quá ưu đãi), sẽ gây ra gánh nặng cho nền kinh tế về ngân sách nhà nước. Nhưng nếu quy định quá hạn hẹp lại khiến cho bảo hiểm thất nghiệp không phát huy được hết ý nghĩa và vai trò của mình. Mặt khác, các quy định của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp cũng cần dự đoán trước được xu hướng phát triển của đất nước trong tương lai gần, để các quy định này không bị trở nên lạc hậu khi đưa vào áp dụng trong thực tiễn.

Thứ hai, bảo hiểm thất nghiệp phải thực sự trở thành “bà đỡ” của người thất nghiệp. Mục đích của bảo hiểm thất nghiệp là nhằm bù đắp một phần thu

nhập bị mất cho người lao động khi họ bị mất việc làm , đồng thời giúp người lao động sớm được quay trở lại thị trường lao động thông qua các chế độ giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề . Do đó, khi tiến hành sửa đổi , hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp cần chú ý bảo đảm được các mục đích này, tránh gây ảnh hưởng tới ý nghĩa của bảo hiểm thất nghiệp trong xã hội.

Thứ ba , việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp phải thống nhất với các quy định khác trong hệ thống pháp luật . Đáp ứng yêu cầu này là một việc làm rất cần thiết để tránh khỏi tình trạng các quy định của pháp luật phải sửa đi sửa lại nhiều lần , đồng thời cũng giúp cho việc thực thi các quy định của pháp luật được dễ dàng hơn.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế không chỉ đơn thuần là sự hội nhập về kinh tế mà nó diễn ra trên mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có các chính sách pháp luật nói chung cũng như bảo hiểm thất nghiệp nói riêng. Do đó, các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp phải dần tiến gần đến các quy định tương ứng của pháp luật quốc tế và pháp luật các nước, nhưng đồng thời cũng phải phù hợp với điều kiện riêng ở nước ta.

3.2. Một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp

Để giải quyết được tình trạng thất nghiệp ngày càng gia tăng, nhà nước cần phải có những chính sách mang tính tổng thể, trong đó trước tiên là hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp. Việc tìm ra những quy định còn vướng mắc, chồng chéo, chưa rõ ràng để sửa đổi, thay thế và bổ sung những quy định mới phù hợp hơn là rất cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam, góp phần giải quyết tốt những vấn đề

an sinh xã hội. Trong thời gian tới, pháp luật bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam cần được hoàn thiện hơn nữa ở những điểm sau:

3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp

**** Về điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp***

Để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động phải đáp ứng đủ bốn điều kiện là: người lao động bị mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật; phải tham gia đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp một khoảng thời gian nhất định trước khi bị mất việc làm; phải đăng ký thất nghiệp; chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp.

Những điều kiện này khi đi vào thực tiễn áp dụng đã bộc lộ nhiều bất cập, điển hình là quy định “chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp” như tác giả đã phân tích ở trên; hay như việc đăng ký thất nghiệp cũng không đạt được hiệu quả mong muốn do người lao động khai báo gian dối, muốn trục lợi bảo hiểm thất nghiệp; quy định về thời gian tối thiểu đóng bảo hiểm thất nghiệp cũng quá chặt chẽ, chưa có sự linh hoạt cho những người lao động thực sự khó khăn...

Do đó, trong thời gian tới cần có những sửa đổi cho phù hợp hơn, ví dụ như quy định trách nhiệm của cơ quan lao động trong việc kiểm tra, kiểm soát tình hình việc làm của người lao động; quy định mở đối với trường hợp người lao động đã có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi bị mất việc làm gần đạt mức tối thiểu (10 hoặc 11 tháng) có thể đóng thêm dưới hình thức tự nguyện; xoá bỏ quy định về việc chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp, khi mà quy định này cũng chưa thực sự có thể phát huy hiệu quả do cơ quan lao động hoàn toàn không xác định được tính chân thực của việc khai báo của người lao động, đồng thời cũng nhằm xoá bỏ sự chồng chéo với quy định về thời hạn ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.

** Về chế độ bảo hiểm y tế trong các quy định của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp:*

Việc quy định bảo hiểm y tế và đóng góp vào quỹ bảo hiểm y tế là trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với người thất nghiệp nhằm đảm bảo sức khỏe cho họ có thể tiếp tục lao động. Hiện nay, ở nước ta đã xây dựng riêng một ngành luật cho bảo hiểm y tế, điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực này. Do đó, theo chúng tôi các quy định này nên để luật bảo hiểm y tế quy định, tạo ra sự thống nhất và tránh trùng chéo trong toàn bộ hệ thống pháp luật nói chung.

** Về chế độ hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm*

Thực tế hiện nay, người lao động khi bị mất việc làm thường có xu hướng muốn hưởng tiền trợ cấp mà ít có nhu cầu học nghề, đào tạo lại nghề hoặc yêu cầu cơ quan lao động hỗ trợ tìm kiếm việc làm. Điều này cũng khiến cho các cán bộ thực hiện công tác bảo hiểm thất nghiệp cũng chỉ tập trung vào việc giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, còn hỗ trợ học nghề và hỗ trợ tìm việc làm thì thực hiện rất hạn chế.

Do đó, cần phải có quy định bắt buộc về việc học nghề và tìm kiếm việc làm, chứ không chỉ dừng lại ở mức hỗ trợ tùy theo nhu cầu của người lao động như hiện nay. Nên chăng, cần quy định theo hướng người lao động trong vòng một hoặc hai tháng sau khi nhận trợ cấp thất nghiệp tháng đầu tiên mà chưa tìm được việc làm mới thì phải đến đăng ký hỗ trợ tìm việc làm hoặc hỗ trợ học nghề tại cơ quan lao động.

3.2.2. Về quỹ bảo hiểm thất nghiệp

** Về mức đóng, phương thức đóng bảo hiểm thất nghiệp:*

Thứ nhất, quy định về tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp cần được điều chỉnh theo hướng mức thu bảo hiểm thất nghiệp tính trên tổng

mức thu nhập hàng tháng của người lao động, bao gồm các khoản tiền lương và phụ cấp thực lĩnh.

Trên thực tế người lao động thường có thu nhập hàng tháng cao hơn rất nhiều so với mức tiền công, tiền lương đóng bảo hiểm thất nghiệp. Điều này có thể xuất phát từ việc người sử dụng lao động tự mình hoặc phối hợp với người lao động trốn tránh đóng bảo hiểm thất nghiệp, thông qua việc bóc tách tiền lương. Chính vì vậy, cần xác định tổng mức thu nhập hàng tháng có thể thực hiện thông qua việc xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động, hoặc thông qua các khoản tiền lương, tiền thưởng được trả cho người lao động qua hệ thống ngân hàng.

Thứ hai, cần có quy định giảm dần mức hỗ trợ của Nhà nước đối với quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Như tác giả đã phân tích, hiện nay mức hỗ trợ 1% của Nhà nước là tương đối cao so với tương quan của các nước trên thế giới, và mức hỗ trợ này chỉ phù hợp khi chính sách bảo hiểm thất nghiệp mới đi vào áp dụng nhằm đảm bảo khả năng tài chính cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Do đó cần phải có lộ trình rút dần vai trò của nhà nước bằng cách giảm dần mức hỗ trợ khi chế độ bảo hiểm này dần đi vào ổn định. Trong tương lai, cần xác định vai trò của nhà nước chỉ dừng lại ở việc bảo trợ cho quỹ, trong trường hợp mất cân đối Nhà nước sẽ bù đắp. Điều này cũng sẽ khuyến khích người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm hơn trước rủi ro thất nghiệp, hạn chế sự ỷ lại trông chờ vào trợ cấp và đảm bảo sự công bằng cho những người lao động, đặc biệt là giữa những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và những người chưa được tiếp cận với chế độ bảo hiểm này.

Thứ ba, cần bổ sung thêm những quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Thực tiễn hiện nay cho thấy đã có rất nhiều trường hợp người sử dụng lao động, doanh nghiệp nợ đóng bảo hiểm xã hội khiến người lao động không

được hưởng chế độ này và đang ngày càng trở nên bức xúc hơn. Có thể dễ dàng lý giải rằng người sử dụng lao động sở dĩ có thể hành động như vậy là do các quy định của pháp luật còn chưa có chế tài phù hợp và đủ sức răn đe đối với những người sử dụng lao động cố tình trốn tránh trách nhiệm của mình. Do đó, cần thiết phải xây dựng một hệ thống các quy định và chế tài áp dụng đối với người sử dụng lao động, ví dụ như quy định về việc người sử dụng lao động không được phép nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp quá 01 hoặc 02 tháng liên tiếp; quy định chế độ giám sát, xử lý chặt chẽ việc đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động, có thể trao quyền cho thanh tra lao động hoặc cho người lao động tự giám sát; hàng tháng cơ quan bảo hiểm xã hội niêm yết thông báo hoặc thông tin cho người lao động biết kết quả đóng bảo hiểm của doanh nghiệp nơi họ làm việc để người lao động tự biết và tự kiểm tra việc doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ quyền lợi cho mình hay không...

**Về quản lý và sử dụng quỹ:*

Cần có quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các chủ thể sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để hoạt động đầu tư, nhằm mục đích sinh lợi nhuận.

Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP thì quỹ bảo hiểm thất nghiệp có thể được sử dụng để đầu tư sinh lời, nhưng phải đảm bảo an toàn, hiệu quả và có thể thu hồi được khi cần thiết. Tuy nhiên, lại chưa có quy định nào về việc nếu việc sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp không hiệu quả gây tổn thất tài chính cho quỹ thì chủ thể nào sẽ phải chịu trách nhiệm, và chịu trách nhiệm ra sao. Do đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể trong việc sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để đầu tư, tránh sự lợi dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp gây ảnh hưởng tới sự an toàn tài chính của quỹ. Ví dụ như có thể đồng thời quy định trách nhiệm cho chủ thể có thẩm quyền quyết định các hoạt động đầu tư của quỹ là Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3.2.3. Về thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Qua 5 năm thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, đã có rất nhiều trường hợp người lao động không được hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp do nguyên nhân xuất phát từ các quy định về thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp còn phức tạp, gây khó khăn cho người lao động, ví dụ việc người sử dụng lao động gây khó khăn trong việc xác nhận người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật; hoặc người sử dụng lao động chậm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động...

Do đó, trong thời gian tới cần phải có những quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc thực hiện các thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và các chế tài áp dụng khi người sử dụng lao động tắc trách, gây thiệt hại cho người lao động.

Ngoài ra, bên cạnh nghĩa vụ thông báo tình hình việc làm của người thất nghiệp nên bổ sung quy định về việc người lao động nói chung phải thông báo tình hình việc làm đối với cơ quan lao động. Việc quy định người lao động nói chung phải thông báo tình hình việc làm đối với cơ quan lao động không những giúp quản lý tốt tình hình lao động và việc làm; giúp dự báo được tình trạng thất nghiệp chính xác hơn mà còn tránh được việc người lao động lợi dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, như tác giả đã phân tích ở trên. Thông báo này của người lao động nên có các quy định về việc xác thực tính minh bạch chính xác của thông báo và trách nhiệm của người lao động trong việc thông báo sai sự thật nhằm tránh trường hợp người lao động tạo thông báo giả để trục lợi.

3.3. Một số kiến nghị nhằm tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp hiệu quả ở Việt Nam

Bảo hiểm thất nghiệp là một chính sách xã hội, do đó, để có thể áp dụng một cách có hiệu quả bảo hiểm thất nghiệp vào trong đời sống, thì bên cạnh

việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, còn cần thiết phải có các biện pháp tổ chức thực hiện thật sự hữu hiệu. Sau đây là một số kiến nghị của tác giả nhằm nâng cao hiệu quả của việc tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam:

Một là, hoàn thiện hệ thống nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo hiểm thất nghiệp, trong đó bao gồm:

- Củng cố đội ngũ, tăng cường năng lực cho các cán bộ làm công tác bảo hiểm thất nghiệp từ trung ương tới địa phương.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác bảo hiểm thất nghiệp vẫn còn mỏng và yếu, do đó chưa thể thực hiện một cách trọn vẹn đầy đủ các yêu cầu của công tác bảo hiểm thất nghiệp. Có thể thấy rằng trong thời gian qua, công tác bảo hiểm thất nghiệp mới chỉ chú trọng đến phần giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động mà chưa chú ý được đến công tác quản lý lao động, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp hay công tác hỗ trợ học nghề và hỗ trợ tìm kiếm việc làm. Do đó, trong thời gian tới cần tăng cường củng cố, nâng cao năng lực và phân công công tác chuyên trách cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo hiểm thất nghiệp từ trung ương đến địa phương, đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả của công tác bảo hiểm thất nghiệp.

Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ có thể thực hiện thông qua những hình thức như: tổ chức tập huấn định kỳ hàng năm cho cán bộ làm công tác bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức các lớp trao đổi kinh nghiệm về hoạt động bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ, công chức trong các cơ quan bảo hiểm; thực hiện hợp tác quốc tế về bảo hiểm thất nghiệp thông qua các chương trình đào tạo ngắn ngày ở nước ngoài hoặc mời chuyên gia tới giảng dạy trong nước...

- Phân công cán bộ chuyên quản, trực tiếp đối với các đơn vị sử dụng lao động, nắm chắc tình hình biến động lao động, tình hình biến động quỹ lương,

đôn đốc đóng bảo hiểm thất nghiệp . Có như vậy mới có thể quản lý tốt tình hình lao động trong các đơn vị , tình hình quỹ lương , thu nộp bảo hiểm thất nghiệp... Các cán bộ thực hiện công việc này cần phải thực sự chủ động, tránh tình trạng nể nang để các chủ sử dụng lao động lợi dụng kéo dài thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, cụ thể:

- Nâng cao ý thức của người lao động và người sử dụng lao động về chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Một trong những nguyên nhân khiến cho người lao động và người sử dụng lao động trốn tránh không muốn đóng bảo hiểm thất nghiệp là do họ chưa hiểu được ý nghĩa và lợi ích của bảo hiểm thất nghiệp đối với bản thân cũng như đối với xã hội. Do đó, cần tiến hành tuyên truyền , phổ biến chế độ, chính sách bảo hiểm thất nghiệp và ý nghĩa nhân văn của bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động ; giáo dục ý thức đóng góp cho họ vì mục tiêu an sinh xã hội.

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến cần được tiến hành dưới nhiều hình thức như tổ chức các hội nghị tập huấn; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài...; biên tập và xuất bản các tài liệu tóm tắt...

- Đưa các nội dung về chính sách, pháp luật bảo hiểm thất nghiệp vào chương trình giáo dục, đào tạo nhằm xây dựng nhận thức về bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động từ khi còn đang học tập hoặc đào tạo nghề.

Ba là, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm thất nghiệp, cụ thể cần:

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Bảo hiểm thất nghiệp cần phải phối hợp với thanh tra lao động và liên đoàn lao động, thanh tra Nhà nước để kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về bảo hiểm thất nghiệp tại các đơn vị sử dụng lao động; thực hiện xử phạt nghiêm minh đối với các chủ sử dụng lao động cố tình gian lận trong việc khai báo lao động và quỹ tiền lương trích nộp. Tăng cường công tác thanh kiểm tra ở các đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt là ở khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh; xử lý nghiêm những đơn vị cố tình dây dưa nợ đọng tiền bảo hiểm thất nghiệp.

Để thực hiện được công tác này, tác giả đề xuất nên thành lập một lực lượng thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm thất nghiệp để tiến hành các hoạt động thanh tra và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp nhằm nhanh chóng khắc phục tình trạng vi phạm.

- Tiến hành công khai hoá mức tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động biết bằng cách hàng năm phải để người lao động kiểm tra sổ bảo hiểm xã hội của mình một lần, hoặc định kỳ hàng quý cần phải tiến hành thông báo tình trạng nợ ở các đơn vị sử dụng lao động nợ tiền bảo hiểm thất nghiệp lớn cho giám đốc, chủ tịch công đoàn cơ sở,... để có sự phối hợp kịp thời giải quyết triệt để tình trạng trên, tránh dây dưa kéo dài gây ảnh hưởng tới lợi ích của người lao động và quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- Hàng năm nên có các chương trình phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp với các ban ngành liên quan trên địa bàn để nắm bắt các thông tin về tăng giảm các đầu mối phải tham gia, tình hình lao động, quỹ lương,...

- Cần có những chế độ khen thưởng kịp thời đối với những cán bộ, công chức, các đơn vị sử dụng lao động và các cơ sở thực hiện tốt các quy định của chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Ngược lại, cũng phải có những biện pháp xử phạt, kỷ luật thật nghiêm khắc đối với những chủ thể vi phạm. Có như vậy

mới có thể khuyến khích được các chủ thể này tham gia một cách đúng đắn, tích cực vào chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Bốn là, cần có những chính sách thúc đẩy và giảm trợ cấp thất nghiệp với giải quyết việc làm như: chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhận người thất nghiệp vào làm việc, theo đó chi phí hỗ trợ sẽ lấy từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp nếu nguồn quỹ ngày có khả năng chi...; chính sách hỗ trợ người thất nghiệp tự tạo việc làm, có thể hỗ trợ bằng kinh phí để tự hành nghề hoặc hỗ trợ bằng một hình thức cho vay với lãi suất thấp; chính sách tổ chức sản xuất tạm thời cho người thất nghiệp, ví dụ như tổ chức các cơ sở sản xuất để bố trí việc làm tạm thời, hoặc sắp xếp việc làm tạm thời trong các cơ sở sản xuất – kinh doanh cho người thất nghiệp với những công việc chưa phù hợp với chuyên môn của người thất nghiệp để chờ một việc làm lâu dài thích hợp, theo đó việc làm tạm thời phải đảm bảo thu nhập tối thiểu bằng 80% mức lương trước khi thất nghiệp, thời gian tối đa là 12 tháng. Nếu người thất nghiệp tình nguyện ở lại làm việc lâu dài thì coi như đã có việc làm phù hợp.

Năm là, cần triển khai các hoạt động ngăn chặn thất nghiệp như: đề xuất chỗi làm việc thêm trong các doanh nghiệp, giảm giờ làm, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và kỹ thuật lao động...

KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, khi đất nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì thất nghiệp và thiếu việc làm đã và đang là những vấn đề bức xúc. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp của nước ta đã ra đời từ năm 2006 và chính thức thực hiện từ ngày 01/1/2009. Qua 5 năm thực hiện, bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam đã phát huy được tính tích cực của nó trong xã hội, và đạt được nhiều kết quả khả quan như: chính sách bảo hiểm thất nghiệp đã đi vào đời sống, góp phần hỗ trợ người lao động và gia đình họ vượt qua khó khăn, tìm kiếm việc làm mới, ổn định cuộc sống; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp liên tục tăng qua các năm; số người đăng ký thất nghiệp cũng tăng nhanh; số người có quyết định hưởng so với số người đăng ký hưởng cũng ngày một tăng lên; hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm được coi trọng và tạo điều kiện tốt cho người lao động; cân đối quỹ và dự báo quỹ bảo hiểm thất nghiệp đạt độ an toàn khá cao...

Tuy nhiên, các quy định về bảo hiểm thất nghiệp mới chỉ dừng ở việc hỗ trợ người lao động sau khi họ đã bị mất việc làm, tức là chỉ đi sau trong giải quyết hậu quả của việc mất việc làm mà chưa có chính sách cụ thể nhằm ngăn ngừa và hỗ trợ duy trì việc làm cho người lao động. Trước tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế cùng với những đợt khủng hoảng kinh tế liên tiếp diễn ra trên quy mô khu vực, quốc tế, quốc gia đã ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề việc làm của người lao động ở những nước đang phát triển, trong đó có nước ta. Hơn nữa, các chính sách nhằm ngăn ngừa và khắc phục những tiêu cực trên tác động đến vấn đề việc làm của người lao động ở nước ta chưa được thể hiện ở tầm văn bản có hiệu lực pháp lý cao.

Do đó, ngày 16/11/2013, Quốc hội đã ban hành Luật Việc làm số 38/2013/QH13, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015, trong đó có quy định về bảo hiểm thất nghiệp. Hi vọng rằng, với việc thực thi Luật Việc làm,

pháp luật bảo hiểm thất nghiệp sẽ phát huy mạnh mẽ vai trò của mình trong đời sống xã hội Việt Nam.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới những hạn chế trong việc áp dụng bảo hiểm thất nghiệp là do các quy định của pháp luật hiện hành còn nhiều chông chéo, bất cập. Do đó, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp nhằm tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm thất nghiệp là rất cần thiết. Việc sửa đổi, hoàn thiện các quy định của pháp luật phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể ở nước ta và thống nhất với toàn bộ hệ thống pháp luật nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Anh (2008), *Vấn đề bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động hiện nay*, Tạp chí lao động và xã hội (số 343 + 344).
2. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2010), *Báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2009*, Hà Nội.
3. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2011), *Báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2010*, Hà Nội.
4. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2012), *Báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2011*, Hà Nội.
5. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2013), *Báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp năm 2012*, Hà Nội.
6. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2012), *Báo cáo nội bộ về chuyên khảo sát tại Hàn Quốc về bảo hiểm thất nghiệp*, Hà Nội.
7. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011), *Lao động đăng ký thất nghiệp tăng gấp 3 lần*, Hà Nội.
8. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (1994), *Một số Công ước của Tổ chức lao động quốc tế*, Hà Nội.
9. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (1993), *Một số Công ước của Tổ chức lao động quốc tế*, Hà Nội.
10. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (1977), *Báo cáo kết quả nghiên cứu dự án mô hình chính sách để thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam*, Hà Nội.
11. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (1988), *Hội thảo khoa học về Nguồn lao động và việc làm*, Hà Nội.
12. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011), *Các giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn đến 2020*, Hà Nội.
13. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2012), *Công ước 102 của Tổ chức Lao động quốc tế ngày 28/6/1952, về An sinh xã hội*, Hà Nội.
14. Cục Việc làm (2013), *Báo cáo 04 năm thực hiện bảo hiểm thất nghiệp*, Hà Nội.
15. Đỗ Thị Dung (2012), *Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp sau 03 năm thực hiện ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học (số 9/2012).

16. Dự án NaSi (8/2002), *Bảo hiểm thất nghiệp thành phố Bắc Kinh được thông qua trong hội nghị thường vụ thứ 17*, Hà Nội.
17. Dự án ILO/ Nhật Bản, *Thúc đẩy và xây dựng dịch vụ bảo hiểm thất nghiệp trong khu vực ASEAN*.
18. Nguyễn Văn Định (2008), *Tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
19. Ngô Thị Thu Hoài (2012), *Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp và thực tiễn áp dụng ở Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
20. Đỗ Năng Khánh (2000), *Thất nghiệp và việc xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
21. Anh Linh, *Bảo hiểm thất nghiệp của một số nước, Lao động và Xã hội* (206+207+208), Hà Nội.
22. Nguyễn Bích Ngọc (2009), *Bảo hiểm thất nghiệp ở Thụy Điển*, Tạp chí Bảo hiểm xã hội (số 01/2009).
23. Trung Nguyên, *Lao động Việt Nam ra nước ngoài: “Ngọc thô và rào cản”*, Báo Hà Nội mới, Hà Nội.
24. Nguyễn Hiền Phương (2008), *Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật an sinh xã hội ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Kim Phụng (2006), *Bảo hiểm thất nghiệp chỉ nên quy định về nguyên tắc và định hướng*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (số 3/2006).
26. Phạm Đình Thành (2008), *Pháp họa mô hình tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam*, Tạp chí Bảo hiểm xã hội (số 11/2008).
27. Quang Thiều (2005), *Cải cách chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở Trung Quốc*, Tạp chí bảo hiểm xã hội (số 8).
28. Lê Thị Hoài Thu (2008), *Pháp luật Bảo hiểm thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Lê Thị Hoài Thu (2005), *Mối quan hệ giữa chế độ bảo hiểm thất nghiệp với chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết việc làm*, Tạp chí Bảo hiểm xã hội, t5/2005.
30. Lê Thị Hoài Thu (2004) *Thực trạng pháp luật an sinh xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Bảo hiểm xã hội, t6/2004.

31. Lê Thị Hoài Thu (2011), *Nguyên tắc – Bàn về chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam*, Hà Nội.
32. Lê Thị Hoài Thu (2012), *Xây dựng nội dung bảo hiểm việc làm trong Luật Việc làm*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 19 (227), Hà Nội.
33. Tổng cục thống kê (2013), *Báo cáo Điều tra Lao động và việc làm Việt Nam năm 2012, Kết quả chủ yếu, phần 2*, Hà Nội.
34. Trang thông tin điện tử Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Bảo hiểm xã hội Liên bang Nga*.
35. Trang thông tin điện tử Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Bảo hiểm xã hội Pháp*.
36. Lê Quang Trung (2007), *Vai trò của trung âm giới thiệu việc làm với chế độ bảo hiểm thất nghiệp*”, Tạp chí Lao động và xã hội số 313.
37. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2004), *Giáo trình bảo hiểm, NXB Thống kê*, Hà Nội.
38. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật An sinh xã hội, NXB Công An*, Hà Nội.
39. Nguyễn Thị Hải Vân (2008), *Hoạt động dịch vụ việc làm: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Lao động và xã hội (số 335).
40. Nguyễn Cửu Việt (1993), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, NXB. Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
41. <http://www.lrc.ctu.edu.vn/pdoc/29/4-cdbaohiem.htm>, cập nhật ngày 26/8/2011.
42. <http://vieclamcamau.vn/?mod=insu-det&id=124>
43. <http://www.bhxhkiengiang.gov.vn/view.aspx?ContentView=News&Action=Detail&ItemID=39>
44. <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/628166/Nhung-chu-no-bat-dac-di-tp.html>
45. <http://www.molisa.gov.vn/news/detail/tabid/75/newsid/51466/seo/Bao-hiem-that-nghiep-tai-CHLB-Duc/language/vi-VN/Default.aspx>

II. Tiếng Anh

46. State Social Insurance General Office (2001), *Social Insurance legislation*, Ulaanbaatar.

47. U.S. Social Security Administration (1999), *Social security programs throughout the world 1999*, SSA Publication No.13-11805.